

Số 57/BC-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 09 tháng 01 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Kết quả khảo sát sinh viên về hoạt động đào tạo học phần**  
**năm học 2022 - 2023**

Công tác khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động đào tạo học phần năm học 2022-2023 được thực hiện theo kế hoạch số 288/KH-ĐHYDCT ngày 20/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

**1. Mục đích thực hiện**

**1.1 Đối với Trường**

- Nhằm lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần và chất lượng đào tạo của các học phần;
- Kết quả khảo sát sẽ giúp Trường, các Khoa/bộ môn cải tiến liên tục nội dung học phần, các hoạt động đào tạo.

**1.2. Đối với người học**

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của sinh viên với quyền lợi và nghĩa vụ trong học tập và rèn luyện của bản thân;
- Tạo điều kiện để sinh viên được phản ánh tâm tư, nguyện vọng và được thể hiện chính kiến của mình về các học phần đã học.

**2. Tổ chức khảo sát**

**2.1 Đối tượng khảo sát**

- Việc khảo sát được áp dụng cho tất cả sinh viên hệ chính quy.
- Tiêu chí chọn học phần khảo sát như sau: Các học phần có trong CTĐT của tất cả các Khoa/bộ môn, đơn vị giảng dạy trong học kỳ I và II năm học 2022-2023.

**2.2 Nội dung và công cụ khảo sát**

- Các mẫu phiếu khảo sát được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định về tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục tại Thông tư 12/2017/BGDĐT và tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo tại Thông tư 04/2016/BGDĐT. Nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của người học về học phần và chất lượng đào tạo trong học phần (phụ lục 1), cụ thể:

- + Phần chuẩn bị trước khi vào học học phần
- + Quá trình đào tạo trong học phần
- + Kết quả sau khi học học phần

Ngoài ra còn một số câu hỏi mở khác để người học đóng góp thêm các ý kiến cho các học phần đã học

- Thang đánh giá: gồm 5 bậc:

0. Không hài lòng 1. Hài lòng ít 2. Tạm chấp nhận 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

Hoặc

0. Không đồng ý 1. Đồng ý một phần nhỏ 2. Tạm chấp nhận 3. Đồng ý 4. Rất đồng ý

+ Điểm trung bình của biến số = bậc 0\* 0.2+ bậc 1\* 0.4 + bậc 2\* 0.6+ bậc 3\*0.8 + bậc 4\*1

+ Mức độ đạt của biến số: Dựa vào điểm trung bình: Yếu: <50, Trung bình: 50-<65, Khá: 65- <80, tốt: 80-85, rất tốt: >85-90, xuất sắc: >90.

+ Tỷ lệ hài lòng/đồng ý chung= tỷ lệ của bậc 3 + tỷ lệ của bậc 4

### 2.3 Phương pháp, hình thức khảo sát, thời gian khảo sát

- Quy trình thực hiện được đảm bảo đúng theo nguyên tắc khảo sát, và các bước trong kế hoạch.

- Bộ câu hỏi được tích hợp vào hệ thống quản lý đào tạo và khảo sát trực tuyến. Thời gian: từ ngày 15-30/3/2022, 13-31/7/2022

- Số liệu khảo sát được xuất ra từ hệ thống quản lý đào tạo qua phần mềm văn phòng xử lý số liệu, được tổng hợp, phân tích, thống kê mô tả.

## 3. Kết quả khảo sát

### 3.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Khảo sát được ý kiến của 32,928 lượt sinh viên cho 247 học phần.

### 3.2 Kết quả đánh giá chung

**Bảng 1. Kết quả đánh giá chung**

TT	Khoa/ Đơn vị	Số HP khảo sát	≥ 90 điểm		>85-90 điểm		80-85 điểm		Điểm trung bình			
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	2022- 2023	2021- 2022	2020- 2021	2019- 2020
1	Y	99	59	59,6	39	39,39	1	1,01	<b>90,51</b>	90,61	89	86,77
2	Dược	28	27	96,43	1	3,57	0	0	<b>92,61</b>	92,92	91,39	88,49
3	RHM	17	8	47,06	9	52,94	0	0	<b>89,84</b>	88,36	88,84	87,07
4	ĐD- KTYH	28	23	82,14	5	17,86	0	0	<b>92,29</b>	92,58	89,84	87,02
5	YTCC	34	7	20,59	27	79,41	0	0	<b>87,4</b>	89,32	87,46	85,48

TT	Khoa/ Đơn vị	Số HP khảo sát	≥ 90 điểm		>85-90 điểm		80-85 điểm		Điểm trung bình			
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	2022- 2023	2021- 2022	2020- 2021	2019- 2020
6	KHCB	21	15	71,43	6	28,57	0	0	<b>91,31</b>	90,54	91,52	88,26
7	HLKN	3	2	66,67	1	33,33	0	0	<b>91,23</b>	92,19	91,68	85,21
8	YHCT	17	13	76,47	4	23,53	0	0	<b>91,97</b>	90,29	90,65	
	<b>Tổng</b>	<b>247</b>	<b>154</b>	<b>62,35</b>	<b>92</b>	<b>37,25</b>	<b>1</b>	<b>0,4</b>	<b>90,90</b>	90,85	90,05	86,90

**Nhận xét:**

- Điểm trung bình chung của các học phần là 90,9 điểm cao hơn so với các năm học trước.

- Số học phần được đánh giá Xuất sắc (≥ 90 điểm) là 154 HP – 62,35% tương đương so với năm học 2021-2022 (154 HP - 62,45%); cao hơn so với các năm học 2020-2021 (159 HP - 49,23%), năm học 2019-2020 (46 HP - 17,46%), năm học 2018-2019 (05 HP - 1,98%).

**3.3 Kết quả ý kiến phản hồi theo đơn vị**

**Bảng 2. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của khoa Y**

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	YY0002	Các bệnh thông thường I				90,96
2	YY0003	Các bệnh thông thường II				Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật
3	YY0101	Giải phẫu I	89,25	89,48	91,26	90,01
4	YY0102	Giải phẫu II	87,67	90,5	87,54	87
5	YY0103	Giải phẫu	86,04	93,64	88,16	86,08
6	YY0104	Giải phẫu	0	90,61	86,84	89,42
7	YY0201	Mô phôi	88,7	90,9	91,52	92,71
8	YY0202	Mô phôi	0	88,89	88,21	Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
9	YY0301	Giải phẫu bệnh	87,26	88,16	90,43	91,23
10	YY0302	Pháp Y	88,22	88,65	92,19	94,03
11	YY0312	Xét nghiệm tế bào I	91,28	91,26	94,49	91,03
12	YY0402	Sinh lý II	90,06	92,06	91,19	92,3
13	YY0403	Sinh lý I	90,95	91,19	91,38	93,53
14	YY0404	Sinh lý	0	91,47	87,37	93,7
15	YY0405	Sinh lý	90,63	91,42	93,56	90,14
16	YY0411	Thăm dò chức năng	84,71	89,99	91,29	92,58
17	YY0501	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	89,14	89,78	92,1	91,72
18	YY0502	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	90,4	92,96	0	90,84
19	YY0503	Dị ứng lâm sàng	86,92	93,39	92,85	91,7
20	YY0510	Y sinh học phân tử	0	90,43	94,15	90,32
21	YY0601	Hoá sinh	84,13	88,91	89,18	90,99
22	YY0602	Hoá sinh	0	90,38	88,8	86
23	YY0606	Hoá sinh I	85,59	90,41	95,23	86,86
24	YY0607	LT.Hoá sinh II	89,37	91,47	92,09	89,19
25	YY0611	Hóa sinh lâm sàng	87,7	85,16	87,11	93,14
26	YY0701	Vi sinh	90,93	90,96	91,33	92,99
27	YY0702	Vi sinh	89,83	91,29	90,77	89,77

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
28	YY0704	Vi sinh I	90,06	91,86	95,99	92,97
29	YY0705	LT.Vi sinh II	91,58	93,63	92,96	93,53
30	YY0709	LT.Vi sinh IV	88,65	92,75	94,26	92,68
31	YY0801	Ký sinh trùng	88,73	90,91	90,66	92,56
32	YY0802	Ký sinh trùng	0	91,06	90,2	88,82
33	YY0803	LT.Ký sinh trùng I	0	91,95	95,77	92,55
34	YY0805	LT.Ký sinh trùng II	91,67	93,39	92,93	92,5
35	YY0901	Nội cơ sở I	0	88,94	94,07	89,57
36	YY0902	Nội cơ sở II	86,17	91,22	92,75	89,76
37	YY0903	LT.Nội bệnh lý I	0	86,92	88,98	89,69
38	YY0905	LT.Nội bệnh lý I	90,5	84,75	88,87	91,79
39	YY0907	LT.Nội bệnh lý II	81,68	87,02	87,6	89,36
40	YY0911	LT.Nội bệnh lý III	0	0	86,27	89,9
41	YY0913	LT.Nội bệnh lý IV	86,02	88,73	88,16	89,35
42	YY0915	Bệnh học Nội khoa	0	87,43	0	89,78
43	YY0917	Bệnh học nội khoa	85,08	87,94	88,28	88,01
44	YY0922	Hồi sức cấp cứu	0	85,19	0	90,43
45	YY0923	Thần kinh	82,74	90,24	89,11	87,89

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
46	YY0924	LT. Nội cơ sở I	88,49	86,56	90,59	91,66
47	YY0926	LT. Nội cơ sở II	90,11	86,92	89,99	92,66
48	YY0928	LT. Nội cơ sở I				92,3
49	YY0929	LT. Nội cơ sở II	0	91,06	0	89,15
50	YY0930	LT. Nội bệnh lý YHHĐ I				89,85
51	YY0931	LT. Nội bệnh lý YHHĐ II	0	87	88,7	96,2
52	YY0933	Nội cơ sở	0	86,26	90	86,76
53	YY0948	LT. Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội	0	83,35	0	92,26
54	YY0951	LT. Nội bệnh lý II	0	85,54	0	92,38
55	YY1001	Huyết học cơ bản	86,69	85,6	92,09	91,53
56	YY1004	LT.Huyết học tế bào I	84,24	92,73	92,53	89,24
57	YY1006	LT.Huyết học tế bào II	0	90,5	0	94,22
58	YY1025	LT.Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học	0	98,76	94,77	97,78
59	YY1101	Ngoại cơ sở I	0	89,04	94,11	90,26
60	YY1102	Ngoại cơ sở II	87,18	92,28	92,55	89,69

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
61	YY1103	LT.Ngoại bệnh lý I	81,43	90,46	89,83	91,09
62	YY1105	LT.Ngoại bệnh lý II	90	0	89,23	89,59
63	YY1107	LT.Ngoại bệnh lý I	0	84,67	90,12	91,34
64	YY1109	LT.Ngoại bệnh lý II				93,01
65	YY1111	LT.Ngoại bệnh lý III	85,34	0	84,84	89,33
66	YY1115	LT.Ngoại bệnh lý YHHĐ	92,11	83,01	90,66	89,72
67	YY1117	Bệnh học Ngoại khoa	0	88,33	0	90,9
68	YY1118	Bệnh học ngoại khoa	84,92	88,4	87,5	85,54
69	YY1123	Phẫu thuật thực hành	86,36	88,03	91,96	91,44
70	YY1124	Ngoại cơ sở	0	86,39	89,5	86,49
71	YY1125	LT. Ngoại cơ sở I	84,71	88,65	90,7	92,16
72	YY1127	LT. Ngoại cơ sở II	87,03	86,74	90,16	92,61
73	YY1138	LT. Ngoại cơ sở I				91,15
74	YY1148	LT. Định hướng cơ bản chuyên khoa Ngoại	0	83,8	0	90,86
75	YY1151	LT. Ngoại bệnh lý II	0	85,73	0	91,81

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
76	YY1158	LT. Ngoại cơ sở II				89,56
77	YY1201	Gây mê hồi sức	85,07	90,72	90,66	88,4
78	YY1401	Phục hồi chức năng	87,84	89,48	92,82	93,61
79	YY1402	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	91,31	83,03	88,67	82,28
80	YY1501	Ung thư đại cương	0	91,23	91,62	91,55
81	YY1601	LT. Phụ sản I	91,64	86,19	89,32	91,77
82	YY1603	LT. Phụ sản II	88,54	0	91,62	91,49
83	YY1605	LT. Phụ sản III	0	0	84,01	86,81
84	YY1607	LT. Phụ sản I	0	84,74	85,79	91,69
85	YY1648	LT. Định hướng cơ bản chuyên khoa Phụ sản	0	82,03	0	91,86
86	YY1651	LT. Phụ sản II	0	85,67	0	91,15
87	YY1701	LT.Nhi khoa I	81,63	85,23	89,39	90,47
88	YY1703	LT.Nhi khoa II	83,28	82,49	92,5	89,91
89	YY1705	LT.Nhi khoa III	0	0	84,66	87,55
90	YY1707	LT.Nhi khoa I	79,19	83,81	87,95	92,73
91	YY1709	LT.Nhi khoa II	80,68	0	87,67	92,24
92	YY1716	LT.Nhi YHHD	87,68	85,3	88,31	95,01



ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
93	YY1801	Chẩn đoán hình ảnh	88,24	90,67	91,03	90,54
94	YY1832	An toàn bức xạ				86,83
95	YY1901	Tâm thần	85,01	90,86	88,55	82,55
96	YY1906	Sức khỏe tâm thần	84,91	87,56	0	79,49
97	YY2007	Truyền nhiễm	85,04	87,27	91,72	89,84
98	YY2101	Lao	77,64	91,07	88,78	92,38
99	YY2201	Mắt	87,68	88,19	87,9	88,66
100	YY2301	Tai Mũi Họng	82,5	87,81	88,65	89,52
101	YY2401	Da liễu	84,56	86,38	88,32	89,92

**Nhận xét:** Khoa Y có 99 HP được khảo sát trong đó: 59 HP được khảo sát đạt mức **Xuất sắc**, 37 HP được khảo sát đạt mức **Rất tốt**, 02 HP được khảo sát đạt mức **Tốt**, 01 HP được khảo sát đạt mức **Khá**.

Có 08 HP có điểm trung bình  $\geq 95$  điểm:

- YY1025. LT.Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học (97,78 điểm)
- YY0931. LT. Nội bệnh lý YHHĐ II (96,2 điểm)
- YY1716. LT.Nhi YHHĐ (95,01 điểm)

**Bảng 3. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của Khoa YHCT**

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình		
			2019-2020	2020-2021	2022-2023
1	YY2502	Y học cổ truyền	86,15	86,29	90,73
2	YY2506	Bệnh học ngũ quan		91,49	91,04
3	YY2509	LT.Châm cứu học III		88,18	91,39
4	YY2525	Lý luận cơ bản YHCT II	91,44	92,53	94,83

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình		
			2019-2020	2020-2021	2022-2023
5	YY2533	LT.Nhi khoa YHCT	84,08		89,76
6	YY2539	Phương tễ		89,35	93,11
7	YY2540	Phương pháp điều trị không dùng thuốc		86,14	93,94
8	YY2543	Thuốc YHCT I		86,29	92,84
9	YY2545	Thương hàn luận		87,26	89,5
10	YY2546	Trung văn chuyên ngành	90,82	93,03	95,06
11	YY2552	LT.Nội bệnh lý YHCT III	88,58	89,91	90,26
12	YY2554	LT.Ngoại bệnh lý YHCT		91,96	89,88
13	YY2560	Thuốc YHCT II	87,28	84,17	93,76
14	YY2564	Da liễu YHCT	87,97	90,16	96,58
15	YY2569	Ôn bệnh	83,93	91,51	91,03
16	YY2570	LT.Nội bệnh lý YHCT II		91,51	89,5
17	YY2572	Dưỡng sinh - Xoa bóp	85,12	93,04	90,29

**Nhận xét:** Khoa YHCT có 17 HP được khảo sát trong đó: 13 HP được khảo sát đạt mức *Xuất sắc*, 04 HP được khảo sát đạt mức *Rất tốt*.

Có 02 HP có điểm trung bình  $\geq 95$  điểm:

- YY2564. Da liễu YHCT (96,58 điểm)

- YY2546. Trung văn chuyên ngành (95,06 điểm)

**Bảng 4. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của khoa Dược**

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	DK0101	Hóa phân tích I	91,24	90,39	94,14	90,86
2	DK0102	Hóa phân tích II	90,57	89,33	94,34	93,88

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
3	DK0103	LT.Kiểm Nghiệm Dược Phẩm I	88,22	89,53	92,22	92,99
4	DK0116	Định hướng cơ bản chuyên khoa Kiểm nghiệm thuốc	90,09	93,33	93,75	98,29
5	DK0203	Hóa lý dược	90,67	94,92	94,11	91,67
6	DK0204	Hóa trị liệu	83,04	92,68	94,06	93,54
7	DK0205	LT. Hóa Dược I	87,82	90,98	92,93	93,19
8	DK0207	LT. Hóa Dược II	89	90,63	93,26	94,26
9	DK0209	Nghiên cứu và phát triển thuốc mới		89,91		93,25
10	DK0301	Dược lý	81,6	88,75	91,5	89,8
11	DK0302	Dược lý	89,37	91,94		94,48
12	DK0303	Dược lý I	92,93	89,82	92,5	92,86
13	DK0305	Dược lý lâm sàng	85,52	90,45	90,67	90,72
14	DK0306	LT. Dược lâm sàng I	89,37	93,76	94,15	92,98
15	DK0308	LT.Dược lâm sàng II	90,42	92,94	94,04	91,01
16	DK0313	Dược động học	92,02	94,71	92,41	90,04
17	DK0314	LT. Dược lý II	83,22	90,46	93,48	93,09
18	DK0316	Định hướng cơ bản chuyên		89,21	93,8	91,77

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
		khoa dược lâm sàng I				
19	DK0320	Định hướng cơ bản chuyên khoa dược lâm sàng II	87,69	93,4	94,51	93,06
20	DK0521	Định hướng cơ bản chuyên khoa quản lý dược	86,93	92,41	94,26	90,9
21	DK0401	Thực vật dược		88,7		Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật
22	DK0402	Thực vật dược	90,56	92,06	92,88	91,58
23	DK0403	LT.Dược liệu I	89,52	90,72	93,42	93,61
24	DK0410	LT. Dược học cổ truyền	90,09	94,11	92,33	93,18
25	DK0412	Định hướng cơ bản chuyên khoa dược liệu		92,83	93,69	95,07
26	DK0501	LT. Bào chế và Công nghệ dược I	87,24	88,49	92,07	90,3
27	DK0503	LT.Bào chế và Công nghệ dược II	86,05	87,8	91,11	90,72
28	DK0508	LT.Pháp chế dược	88,48	89,44	94,16	92,99
29	DK0522	Định hướng cơ bản chuyên khoa SX và	86,51	94,31	90,94	93,1

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
		phát triển thuốc mới				

**Nhận xét:** Khoa Dược có 28 HP được khảo sát trong đó: 27 HP được khảo sát đạt mức **Xuất sắc**, 01 HP được khảo sát đạt mức **Rất tốt**.

Có 02 HP có điểm trung bình  $\geq 95$  điểm:

- DK0116. Định hướng cơ bản chuyên khoa Kiểm nghiệm thuốc (98,29 điểm)
- DK0412. Định hướng cơ bản chuyên khoa dược liệu (95,07 điểm)

**Bảng 5. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của khoa Răng Hàm Mặt**

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	RH0002	Răng Hàm Mặt	93,2	88,52	89,4	92,8
2	RH0101	Bệnh học miệng - hàm mặt I				90,96
3	RH0105	Mô phỏng lâm sàng nha khoa		86,19		89,78
4	RH0113	LT. Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật		84,91		90,01
5	RH0203	Điều trị loạn năng hệ thống nhai		84,08		87,9
6	RH0204	Nha khoa công cộng	87,2	91,77		88,71
7	RH0207	Vật liệu – thiết bị nha khoa	82,88	88,35		87,51
8	RH0210	LT. Giải phẫu răng	90,1	89,43		89,3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
9	RH0301	LT. Chữa răng – nội nha I	90,7	88,73		90,43
10	RH0305	LT. Phẫu thuật miệng I	89,84	86,08		91,05
11	RH0310	LT.Chữa răng – nội nha II	83,13	92,33	86,6	91,19
12	RH0313	LT. GP ứng dụng và PTTH hàm mặt	87,7	89,82	87,72	89,32
13	RH0316	LT.Phẫu thuật hàm mặt	87,5	90,58		89,39
14	RH0410	LT.Phục hình I	90,8	86,01		90,41
15	RH0606	Sâu răng học		85,11	89,96	89,46
16	RH0607	Cẩn khớp học	87,1	89,16		90,04
17	RH0610	LT. Răng trẻ em		95,09		88,97

**Nhận xét:** Khoa RHM có 17 HP được khảo sát trong đó: 08 HP được khảo sát đạt mức *Xuất sắc*, 09 HP được khảo sát đạt mức *Rất tốt*.

**Bảng 6. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học**

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	DD0101	Điều dưỡng cơ bản	90,76	92,18	90,69	92,11
2	DD0102	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	88,37	90,36		91,17

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
3	DD0106	Quản lý điều dưỡng	87,2	85,63	90,94	95,94
4	DD0108	LT. Điều dưỡng cơ sở II		95,3	92,34	90,42
5	DD0110	LT. Điều dưỡng cơ sở I	86,85	92,64	92,05	91,41
6	DD0115	LT. Điều dưỡng cơ sở I				89
7	DD0205	LT. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	86,41	89,54	94,12	92,08
8	DD0301	LT.Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	83,85	86,91	92,56	90,17
9	DD0303	LT.Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	86,24	92,44	95,02	91,47
10	DD0305	LT.Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa III		84,86	90,53	94,04
11	DD0313	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	83,88	88,48	91,8	94,26
12	DD0317	LT.Chăm sóc sức khỏe trẻ em II	85,45	86,43		95,88
13	DD0315	LT.Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	87,14	92,58	95,21	93,19

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
14	DD0374	LT. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nội khoa		90,75	94,18	95,92
15	DD0388	LT.Chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh Nội khoa I				92,67
16	DD0401	LT.Chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh Ngoại khoa I	84,76	85,65	92,16	90,56
17	DD0403	LT.Chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh Ngoại khoa II	86,88	91,75	93,99	88,56
18	DD0405	LT.Chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh Ngoại khoa III		85,34	89,3	94,06
19	DD0425	LT.Sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng II		85,72	92,53	89,87
20	DD0463	LT. Chăm sóc thai nghén				90,25
21	DD0491	LT.Chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh Ngoại khoa I				88,96



STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
22	DD0501	Xét nghiệm cơ bản	89,1	89,12	96,5	92,07
23	DD0510	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm và chống nhiễm khuẩn bệnh viện		88,85	91,73	89,13
24	DD0517	LT.Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh		91,91	97,25	93,81
25	HS0307	LT. Chăm sóc thai kỳ có bất thường				94,39
26	HS0401	LT. Chăm sóc chuyển dạ và sanh thường				94,62
27	HS0405	LT. Cấp cứu sản khoa				93,7
28	HS0407	LT. Chăm sóc hậu sản				94,32

**Nhận xét:** Khoa ĐD-KTYH có 28 HP được khảo sát trong đó: 23 HP được khảo sát đạt mức ***Xuất sắc***, 05 HP được khảo sát đạt mức ***Rất tốt***.

Có 02 HP có điểm trung bình  $\geq 95$  điểm:

- DD0106. Quản lý điều dưỡng (95,94 điểm)

-

- DD0374. LT. Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nội khoa (95,92 điểm)

- DD0317. LT.Chăm sóc sức khoẻ trẻ em II (95,88 điểm)

**Bảng 7. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của khoa Y tế công cộng**

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	YT0003	Lý luận & Phương pháp giảng dạy		84,39		87,64
2	YT0005	Quản lý dịch vụ y tế	87,8	85,65	87,99	Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật
3	YT0101	Dịch tễ học	84,12	89,04	88,25	87,89
4	YT0102	Dịch tễ học II	82,84	83,27	89,69	89,15
5	YT0106	LT.Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm		87,12		85,98
6	YT0103	Dịch tễ học cơ bản	84	85,6	92,49	Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật
7	YT0113	LT.Kế hoạch y tế		82,26	88,6	Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật
8	YT0119	LT.Nghiên cứu định tính		81,49	85,47	83,34
9	YT0122	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	87,47	86,48	89,49	87,76
10	YT0123	LT.Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	82,32	84,71		89,22
11	YT0134	Tiêm chủng mở rộng và vắc-xin trong công tác	88,33	96,31	87,18	80,39

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
		phòng chống dịch bệnh				
12	YT0135	Định hướng cơ bản chuyên khoa y học dự phòng	87,99	88,23	90,16	88,45
13	YT0201	Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	87,15	90,68	89,13	90,97
14	YT0202	LT.Dân số học	85,71	91,07	92,15	89,28
15	YT0205	Chính sách Dân số		95,46	86,21	88,44
16	YT0207	Sức khỏe sinh sản	89,52	85,71	85,61	81,51
17	YT0209	LT.Thống kê dân số y tế	88,83	81,34		80,42
18	YT0213	LT.Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế		96,17	85,5	87,1
19	YT0220	LT.Truyền thông về DS-KHHGD		89,56	85,53	85,67
20	YT0225	Dân số KHHGD-Sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS	85,42	92,45	88,03	86,74
21	YT0301	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	83,64	85,68	90,61	90,59

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
22	YT0302	Khoa học môi trường & sức khỏe môi trường I	85,17	90,62	93,17	89,87
23	YT0303	LT.Khoa học môi trường & sức khỏe môi trường II	79,47	83,59	89,89	90,27
24	YT0305	Sức khỏe môi trường	88,26	88,55	90,32	89,39
25	YT0311	LT.Sức khỏe lứa tuổi		85,09	89,49	85,53
26	YT0313	LT.Sức khỏe môi trường cơ bản	84,94	87,95	91,32	90,54
27	YT0317	LT.Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	88,05			82,44
28	YT0401	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	88,17	90,2	88,27	87,47
29	YT0402	Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế		86,72	87,79	89,93
30	YT0404	LT.Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế		81,09	86,9	90,3
31	YT0414	LT.Nâng cao sức khỏe	90,33	81,83		80,29

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
32	YT0416	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe		84,34	86,99	Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật
33	YT0421	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - GDSK	87,99	89,3		84,97
34	YT0425	LT. Khoa học hành vi & GDSK II	87,63	89,38	90,1	91,34
35	YT0501	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	82,06	88,84	90,71	93,22
36	YT0504	Dinh dưỡng - Tiết chế	88,04	92,93		89,65
37	YT0515	LT. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm II	81,25	85,21	89,74	88,14
38	YT0518	Định hướng cơ bản chuyên khoa can thiệp cộng đồng	87,03	88,73	90,41	87,76

**Nhận xét:** Khoa YTCC có 34 HP được khảo sát trong đó: 07 HP được khảo sát đạt mức *Xuất sắc*, 20 HP được khảo sát đạt mức *Rất tốt*, 07 HP được khảo sát đạt mức *Tốt*.

**Bảng 8. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của Khoa Khoa học cơ bản**

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	CB0110	Anh văn chuyên ngành I	91,01	92,34	93,04	92,97

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
2	CB0111	Anh văn chuyên ngành II	90,87	92,7	91,72	93,47
3	CB0112	Anh văn chuyên ngành III		91,93	92,43	92,42
4	CB0201	Hoá học	89,71	91,17	92,5	92,46
5	CB0203	Hóa đại cương vô cơ			88,74	Cỡ mẫu nhỏ/ Lỗi kỹ thuật
6	CB0204	Hóa hữu cơ		96,72	87,25	89,67
7	CB0205	Hóa học		91,01	88,88	89,64
8	CB0304	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	90,16	87,25	89,24	89,76
9	CB0310	Triết học Mác-Lênin		92,23	87,27	88,06
10	CB0311	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		89,59	92,52	91,16
11	CB0312	Chủ nghĩa xã hội khoa học			94,03	94,63
12	CB0313	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				92,65
13	CB0314	Tư tưởng Hồ Chí Minh			93,53	94,16
14	CB0401	Xác suất - Thống kê y học	72,77	91,84	91,46	93,54
15	CB0403	Lý sinh	89,53	91,64	90,1	89,1
16	CB0405	Tin học đại cương	87,96	90,94	90,85	90,92

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
17	CB0406	Tin học ứng dụng	87,95	91,36	91,24	91,05
18	CB0410	Lý sinh				91,93
19	CB0412	Điện kỹ thuật				81,94
20	CB0501	Sinh học và Di truyền	88,68	92,81	92,95	94,77
21	CB0504	Sinh học và Di truyền				92,85
22	CB0502	Sinh học và di truyền		94,9	91,19	90,28

**Nhận xét:** Khoa KHCB có 21 HP được khảo sát trong đó: 15 HP được khảo sát đạt mức *Xuất sắc*, 05 HP được khảo sát đạt mức *Rất tốt*, 01 HP được khảo sát đạt mức *Tốt*.

**Bảng 9. Kết quả điểm đánh giá hoạt động đào tạo các học phần của Đơn vị Huấn luyện kỹ năng**

STT	Mã HP	Tên học phần	Điểm trung bình			
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	HLKN01	Tiền lâm sàng I	86,76	91,13	90,25	92,02
2	HLKN02	Tiền lâm sàng II	83,66	92,22	94,12	92,15
3	YT0321	Y học đáp ứng với thảm họa				89,53

**Nhận xét:** TTGDYH&HLKNYK có 03 HP được khảo sát trong đó: 02 HP được khảo sát đạt mức *Xuất sắc*, 01 HP được khảo sát đạt mức *Tốt*.

**Bảng 10. So sánh điểm trung bình chung giữa các đơn vị**

STT	Khoa	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Y	86,77	89	90,61	90,51

STT	Khoa	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
2	Dược	88,49	91,39	92,92	92,61
3	RHM	87,07	88,84	88,36	<b>89,84</b>
4	ĐD-KTYH	87,02	89,84	92,58	92,29
5	YTCC	85,48	87,46	89,32	87,4
6	KHCB	88,26	91,52	90,54	<b>91,31</b>
7	TTGDYH &HLKNYK	85,21	91,68	92,19	91,23
8	YHCT		90,65	90,29	<b>91,97</b>

**Nhận xét:** Đa số các đơn vị đều có điểm trung bình chung tương đương và cao hơn so với các năm học trước.

- 06 đơn vị có ĐTB đạt mức xuất sắc: Khoa Y, Dược, ĐD-KTYH, KHCB, Khoa YHCT và TTGDYH&HLKNYK

- 02 đơn vị có ĐTB đạt mức Rất tốt: Khoa RHM, YTCC.

-

### 3.4 Kết quả theo tiêu chí

**Bảng 11. Bảng thống kê ý kiến theo tiêu chí năm học 2022-2023 và đối sánh với các năm**

Stt	Câu hỏi	Tỷ lệ đồng ý (%)	Điểm trung bình			
			2022-2023	2021-2022	2020-2021	2019-2020
1	Bộ môn có giới thiệu về học phần (HP) vào buổi/tiết nhập môn	<b>96,28</b>	<b>91,95</b>	92,07	91,15	89,1
2	Cố vấn học tập có hướng dẫn bạn trong lập kế hoạch học tập của học kỳ này	<b>94,55</b>	<b>90,58</b>	90,88	89,89	
3	Việc đăng ký học phần vào đầu học kỳ (theo kế hoạch học tập) được thực hiện thuận lợi	<b>95,59</b>	<b>91,16</b>	91,42	90,2	
4	Người học biết rõ mục tiêu đào tạo của ngành học	<b>95,38</b>	<b>91</b>	91,12	89,95	
5	Người học biết rõ Chuẩn đầu ra của ngành học* (*Chuẩn đầu ra	<b>95,44</b>	<b>90,92</b>	90,96	89,83	87,96



Stt	Câu hỏi	Tỷ lệ đồng ý (%)	Điểm trung bình			
			2022- 2023	2021- 2022	2020- 2021	2019- 2020
	ngành học: người học biết và làm được gì sau khi tốt nghiệp)					
6	Chuẩn đầu ra của HP này rõ ràng, phù hợp giúp người học đạt được CDR của ngành học (*Chuẩn đầu ra học phần: người học biết và làm được gì sau khi kết thúc học phần)	<b>95,14</b>	<b>90,75</b>	90,87	89,72	
7	Người học biết rõ các nội dung được học của học phần này	<b>95,37</b>	<b>90,82</b>	90,91	89,78	
8	Người học biết được các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, tự học sẽ áp dụng cho học phần này khi bắt đầu vào học	<b>95,13</b>	<b>90,74</b>	90,83	89,75	
9	Người học biết được phương pháp kiểm tra/đánh giá sẽ áp dụng cho học phần này khi bắt đầu vào học	<b>95,33</b>	<b>90,82</b>	90,89	89,97	
10	Người học biết được các tài liệu tham khảo cần đọc khi học học phần	<b>95,06</b>	<b>90,67</b>	90,72	89,5	
11	Người học có đầy đủ tài liệu học tập của học phần này trước khi đến lớp (*Tài liệu học tập: giáo trình/sách; tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn tự học, sổ tay lâm sàng, sổ tay thực hành....)	<b>95,62</b>	<b>91,06</b>	91,09	89,89	88,64
12	Người học biết rõ lịch học của HP này (*Lịch cụ thể: tên bài, tên trường hợp bệnh nếu là ca lâm sàng, giờ học, địa điểm học, giảng viên....)	<b>95,89</b>	<b>91,18</b>	91,14	90,13	88,78

Stt	Câu hỏi	Tỷ lệ đồng ý (%)	Điểm trung bình			
			2022- 2023	2021- 2022	2020- 2021	2019- 2020
13	Lịch học của HP này được ĐẢM BẢO (*đúng lịch, đủ lịch, ít thay đổi, thay đổi có báo trước và được dạy bù)	<b>94,82</b>	<b>90,7</b>	90,8	89,78	88,42
14	Nội dung của các bài học của HP này giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra học phần (*Nội dung tương thích giúp đạt được chuẩn đầu ra; nội dung mang tính mới, khoa học, phù hợp với trình độ người học...)	<b>95,16</b>	<b>90,76</b>	90,74	89,76	87,84
15	Tài liệu học tập rõ ràng được GV và SV SỬ DỤNG HIỆU QUẢ (*Tài liệu học tập: giáo trình/sách; tài liệu hướng dẫn tự học, sổ tay lâm sàng, sổ tay thực hành....có nội dung rõ ràng, ít sai sót, có bảng kiểm/công cụ kiểm tra cho mỗi bài học, dễ dàng sử	<b>94,91</b>	<b>90,56</b>	90,65	89,57	87,74
16	Thời lượng các bài học của học phần này là PHÙ HỢP	<b>94,42</b>	<b>90,32</b>	90,46	89,46	87,9
17	Cách thức tổ chức dạy – học trong học phần này PHÙ HỢP (*Địa điểm dạy- học phù hợp, thời điểm dạy- học phù hợp; trang thiết bị- phương tiện dạy- học phù hợp...)	<b>94,9</b>	<b>90,54</b>	90,63	89,67	
18	Cách thức tổ chức tự học trong học phần này PHÙ HỢP (*Địa điểm tự học phù hợp, thời điểm tự học phù hợp; trang thiết bị- phương tiện tự học phù hợp...)	<b>94,74</b>	<b>90,47</b>	90,52	89,46	88,06

Stt	Câu hỏi	Tỷ lệ đồng ý (%)	Điểm trung bình			
			2022-2023	2021-2022	2020-2021	2019-2020
19	Phương pháp giảng dạy GV giúp người học ĐẠT CDR của học phần	<b>94,71</b>	<b>90,52</b>	90,55	89,47	
20	Phương pháp học và tự học giúp người học ĐẠT CDR của học phần	<b>94,86</b>	<b>90,53</b>	90,51	89,46	
21	Hình thức và phương pháp kiểm tra/đánh giá chuyên cần, thường xuyên của HP này RÕ RÀNG, PHÙ HỢP (*Rõ ràng: có thang điểm, rubrics rõ ràng và người học được cho phản hồi về kết quả kiểm tra/đánh giá)	<b>95,12</b>	<b>90,73</b>	90,84	89,8	88,24
22	Hình thức và phương pháp thi cuối kỳ là RÕ RÀNG, PHÙ HỢP, giúp đo lường được CDR Học phần (*Hình thức thi: chạy trạm, thi viết, vấn đáp,.....Phương pháp thi như trắc nghiệm, tự luận, chuyên đề, ...). (Rõ ràng: có thang điểm, rubrics rõ ràng và ngư	<b>94,95</b>	<b>90,64</b>	90,79	89,73	
23	Nội dung kiểm tra/đánh giá phù hợp với nội dung trong học phần, ít sai sót.	<b>94,6</b>	<b>90,34</b>	90,51	89,36	88,28
24	Nội dung kiểm tra/đánh giá giúp đo lường được chuẩn đầu ra HP và phân loại mức độ đạt của người học...	<b>94,73</b>	<b>90,5</b>	90,6	89,46	
25	Bạn hài lòng với công tác tư vấn và trợ giúp của Bộ môn trong suốt quá trình học tập	<b>94,95</b>	<b>90,56</b>	90,69	89,69	
26	Đơn vị tạo điều kiện cho bạn đóng góp ý kiến trong thời gian học	<b>95,43</b>	<b>90,81</b>	91,02	89,92	

Stt	Câu hỏi	Tỷ lệ đồng ý (%)	Điểm trung bình			
			2022-2023	2021-2022	2020-2021	2019-2020
27	Điểm của học phần này được công bố rõ ràng, chính xác, đúng thời gian (*Rõ ràng: Đủ các thành phần. Chính xác: không sai sót. Đúng thời gian: Điểm chuyên cần/thường xuyên được công bố sớm giúp người học cải thiện quá trình học tập; điểm cuối kỳ được công bố đúng quy định)	<b>95,17</b>	<b>90,84</b>	90,99	89,84	88,44
28	Người học được phản hồi về kết quả học tập của học phần	<b>94,9</b>	<b>90,54</b>	90,74	89,63	
29	Người học TỰ ĐÁNH GIÁ đạt được CDR của học phần	<b>94,77</b>	<b>90,48</b>	90,58	89,47	85,8
30	Người học rèn luyện được nhân cách và phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sau khi học xong HP này (*Ví dụ: Nhân cách: đạo đức; y đức, tính tích cực, chủ động, làm việc có kế hoạch...Kỹ năng mềm: KN giao tiếp, KN làm việc nhóm.	<b>95,02</b>	<b>90,62</b>	90,75	89,6	87,72
31	Học phần này giúp người học gắn kết kiến thức, kỹ năng có được từ HP này với các học phần được học trước/ sau đó	<b>95,32</b>	<b>90,73</b>	90,85	89,64	87,74
32	Bạn quý mến Thầy/cô giảng dạy trong học phần này	<b>95,95</b>	<b>91,37</b>	91,51	90,58	88,66
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>95,13</b>	<b>90,76</b>	90,86	89,8	88,08

**Nhận xét:** năm học 2022-2023 có điểm trung bình chung các tiêu chí là 90,76 điểm và tỷ lệ đồng ý chung là 95,13%, tương đương so với các năm học trước. Các tiêu chí có điểm trung bình cao là:

- Bộ môn có giới thiệu về học phần (HP) vào buổi/tiết nhập môn
- Việc đăng ký học phần vào đầu học kỳ (theo kế hoạch học tập) được thực hiện thuận lợi
- Người học biết rõ lịch học của HP này (\*Lịch cụ thể: tên bài, tên trường hợp bệnh nếu là ca lâm sàng, giờ học, địa điểm học, giảng viên....)
- Người học biết rõ mục tiêu đào tạo của ngành học
- Bạn quý mến Thầy/cô giảng dạy trong học phần này

### 3.5 Kết quả phản hồi của sinh viên theo ngành đào tạo

**Bảng 12. Kết quả đánh giá của sinh viên đối sánh giữa các ngành theo điểm trung bình và tỉ lệ hài lòng**

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
1	Bộ môn có giới thiệu về học phần (HP) vào buổi/tiết nhập môn	92,28	92,19	90,85	90,16	93,67	92,42	91,32	88,78	91,83	91,39
		96,23	97,4	95,27	93,86	97,35	95,05	97,17	97,81	97,59	93,38
2	Cố vấn học tập có hướng dẫn bạn trong lập kế hoạch học tập của học kỳ này	90,59	91,62	89,34	88,32	92,74	91,67	90,43	86,94	90,88	90,12
		94,16	97,19	92,64	90,93	96,23	94,44	95,54	93,93	96,88	90,78
3	Việc đăng ký học phần vào đầu học kỳ (theo kế hoạch học tập) được thực hiện thuận lợi	91,33	91,79	90,11	89,42	92,92	91,53	90,77	87,77	91,19	91,25
		95,32	97,4	94,6	93,13	96,66	94,52	96,58	96,6	96,63	94,56
4	Người học biết rõ mục tiêu đào tạo của ngành học	91,3	91,65	89,04	89,27	93,29	92,04	90,28	86,94	90,92	90,26
		95,4	97,34	92,58	92,51	96,9	94,96	95,68	94,9	97,24	93,38

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
5	Người học biết rõ Chuẩn đầu ra của ngành học*	91,15	91,56	89,26	89,26	93,04	91,84	90,45	87,33	90,76	90,45
	(*Chuẩn đầu ra ngành học: người học biết và làm được gì sau khi tốt nghiệp)	95,32	97,18	93,26	92,74	97,26	94,35	96,47	95,15	97,12	93,14
6	Chuẩn đầu ra của HP này rõ ràng, phù hợp giúp người học đạt được CDR của ngành học	90,96	91,5	88,72	88,86	92,56	91,68	90,42	87,77	90,76	89,93
	(*Chuẩn đầu ra học phần: người học biết và làm được gì sau khi kết thúc học phần)	94,99	96,96	93,15	91,93	96,86	94,49	96,09	96,6	97	92,67
7	Người học biết rõ các nội dung được học của học phần này	91,05	91,44	89,03	88,88	92,72	91,27	90,52	87,43	90,92	89,69
		95,37	97,13	92,96	92,2	97,37	93,92	96,25	96,12	96,39	92,2
8	Người học biết được các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, tự học sẽ áp dụng cho học	90,98	91,21	88,84	88,95	92,72	91,54	90,33	87,57	91	89,46
		95,12	96,84	92,92	92,13	96,45	93,77	96,24	95,63	96,52	90,31

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
	phần này khi bắt đầu vào học										
9	Người học biết được phương pháp kiểm tra/đánh giá sẽ áp dụng cho học phần này khi bắt đầu vào học	91,05	91,6	89,06	88,93	92,63	91,24	90,1	87,86	90,8	89,46
		95,22	97,03	93,44	92,51	96,93	94,58	96,24	96,12	96,4	90,54
10	Người học biết được các tài liệu tham khảo cần đọc khi học học phần	90,87	91,36	89,04	88,8	92,6	91,56	90,23	87,57	90,92	89,46
		95	96,97	92,59	91,77	96,13	94,21	96,02	95,88	97,24	91,02
11	Người học có đầy đủ tài liệu học tập của học phần này trước khi đến lớp (*Tài liệu học tập: giáo trình/sách; tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn tự học, sổ tay lâm sàng, sổ tay thực hành....)	91,18	91,69	89,54	89,55	93	91,81	90,73	87,47	91,21	90,59
		95,4	97,34	93,92	92,78	97,07	94,64	97,03	96,11	96,51	93,38

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
12	Người học biết rõ lịch học của HP này (*Lịch cụ thể: tên bài, tên trường hợp bệnh nếu là ca lâm sàng, giờ học, địa điểm học, giảng viên....)	91,38	91,95	89,74	89,3	93	91,55	90,8	87,91	91,14	90,36
		95,86	97,72	94,14	92,82	96,64	94,56	96,99	95,87	96,99	93,62
13	Lịch học của HP này được ĐẢM BẢO (*đúng lịch, đủ lịch, ít thay đổi, thay đổi có báo trước và được dạy bù)	90,86	91,72	89,13	88,51	92,98	91,3	90,78	87,43	90,56	90,12
		94,67	97,6	92,7	90,78	96,93	93,69	96,62	95,15	95,55	93,14
14	Nội dung của các bài học của HP này giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra học phần (*Nội dung tương thích giúp đạt được chuẩn đầu ra; nội dung mang tính mới, khoa học, phù hợp với trình độ người học...)	90,97	91,32	88,87	89,02	92,75	91,82	90,49	87,86	90,97	89,93
		95,03	97,22	92,92	92,04	96,59	94,27	96,39	95,63	96,51	91,73



TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
15	Tài liệu học tập rõ ràng được GV và SV SỬ DỤNG HIỆU QUẢ (*Tài liệu học tập: giáo trình/sách; tài liệu hướng dẫn tự học, sổ tay lâm sàng, sổ tay thực hành....có nội dung rõ ràng, ít sai sót, có bảng kiểm/công cụ kiểm tra cho mỗi bài học, dễ dàng sử	90,7	91,2	88,83	88,6	92,57	91,65	90,43	87,67	90,8	90,4
		94,75	96,66	92,88	91,05	96,53	94,95	96,35	94,66	96,64	93,38
16	Thời lượng các bài học của học phần này là PHÙ HỢP	90,39	90,98	88,69	88,41	92,69	91,39	90,07	87,72	90,47	89,83
		94,11	96,43	93,18	90,78	96,78	94,26	96,02	95,87	95,68	92,2
17	Cách thức tổ chức dạy – học trong học phần này PHÙ HỢP (*Địa điểm dạy-học phù hợp, thời điểm dạy- học phù hợp; trang thiết bị-phương	90,7	91,19	88,84	88,76	92,73	91,29	90,09	86,89	91	89,79
		94,86	96,87	92,67	91,35	96,75	94,12	95,98	95,39	97,24	92,43

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khóa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
	tiện dạy- học phù hợp...)										
18	Cách thức tổ chức tự học trong học phần này PHÙ HỢP (*Địa điểm tự học phù hợp, thời điểm tự học phù hợp; trang thiết bị- phương tiện tự học phù hợp...)	90,6	91,22	88,92	88,78	92,09	91,79	90,14	87,33	90,78	89,69
		94,43	96,69	93,28	91,71	96,39	94,69	96,21	96,11	96,4	92,91
19	Phương pháp giảng dạy GV giúp người học ĐẠT CDR của học phần	90,7	91,22	88,87	88,55	93,04	91,32	90,19	87,04	90,68	89,6
		94,6	96,65	92,49	90,85	96,85	94,82	96,17	95,87	95,92	91,72
20	Phương pháp học và tự học giúp người học ĐẠT CDR của học phần	90,69	91,23	88,93	88,81	93	91,86	90,21	87,09	90,59	89,36
		94,71	96,96	93,14	91,59	96,77	94,59	96,09	95,14	96,28	91,72
21	Hình thức và phương pháp kiểm tra/đánh giá chuyên cần, thường xuyên của HP này RÕ RÀNG, PHÙ HỢP (*Rõ ràng:	90,87	91,57	89,03	88,68	93,16	91,78	90,22	87,62	91,21	90,07
		94,89	97,38	93,23	92,01	96,82	95,13	96,17	95,63	96,87	92,2

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
	có thang điểm, rubrics rõ ràng và người học được cho phản hồi về kết quả kiểm tra/đánh giá)										
22	Hình thức và phương pháp thi cuối kỳ là RÕ RÀNG, PHÙ HỢP, giúp đo lường được CDR Học phần (*Hình thức thi: chạy trạm, thi viết, vấn đáp,.....Phương pháp thi như trắc nghiệm, tự luận, chuyên đề, ...). (Rõ ràng: có thang điểm, rubrics rõ ràng và ngư	90,77	91,42	89,33	88,67	92,29	91,77	90,04	87,57	91,24	89,83
		94,66	97,09	93,68	91,51	96,02	95,11	96,2	94,9	97,36	92,43
23	Nội dung kiểm tra/đánh giá phù hợp với nội dung trong học phần, ít sai sót.	90,48	91,29	88,87	88,03	92,4	91,25	90,11	87,33	90,8	89,65
		94,38	97,21	93,14	91,04	95,53	94,15	95,87	94,66	96,76	91,73

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
24	Nội dung kiểm tra/đánh giá giúp đo lường được chuẩn đầu ra HP và phân loại mức độ đạt của người học...	90,67	91,35	88,9	88,21	92,7	91,59	90,21	87,38	90,92	89,79
		94,55	97,22	93,03	90,82	96,36	95,04	95,98	95,14	96,4	92,44
25	Bạn hài lòng với công tác tư vấn và trợ giúp của Bộ môn trong suốt quá trình học tập	90,72	91,4	88,92	88,45	92,86	91,41	90,15	87,19	91,14	90,31
		94,76	97,28	93,58	90,9	96,4	94,73	96,21	95,63	96,63	92,44
26	Đơn vị tạo điều kiện cho bạn đóng góp ý kiến trong thời gian học	91,11	91,48	89,14	88,61	92,48	91,77	90,34	87,09	91,24	90,26
		95,44	97,22	93,19	91,89	96,15	95,53	96,57	95,63	97,12	92,43
27	Điểm của học phần này được công bố rõ ràng, chính xác, đúng thời gian (*Rõ ràng: Đủ các thành phần. Chính xác: không sai sót. Đúng thời gian: Điểm chuyên cần/thường	91,06	91,46	88,89	88,67	93,03	91,74	90,47	87,43	90,59	90,36
		95,05	96,84	92,33	91,86	96,42	95,21	96,47	94,9	96,16	93,38

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khoa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		Điểm trung bình									
Tỉ lệ hài lòng (%)											
	xuyên được công bố sớm giúp người học cải thiện quá trình học tập; điểm cuối kỳ được công bố đúng quy định)										
28	Người học được phản hồi về kết quả học tập của học phần	90,67	91,47	89,2	88,56	93,04	91,43	90,19	87,62	90,73	89,36
		94,54	97,1	93,98	91,71	97,09	94,67	96,31	96,36	96,4	91,49
29	Người học TỰ ĐÁNH GIÁ đạt được CDR của học phần	90,66	91,33	88,43	88,73	93,07	91,94	90,15	86,9	90,42	89,45
		94,51	97,03	92,33	91,86	96,8	95,19	96,21	95,64	95,8	91,25
30	Người học rèn luyện được nhân cách và phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sau khi học xong HP này (*Ví dụ: Nhân cách: đạo đức; y đức, tính tích cực, chủ động,	90,8	91,26	88,83	88,82	92,99	92,08	90,46	86,7	90,92	89,6
		94,83	97,13	92,69	92,09	96,61	95,42	96,47	94,66	96,88	90,31

TT	Câu hỏi	Y	YH	Dược	RHM	ĐD	KTX	YH	YT	Hộ	KTH
		khóa	CT	học			NYH	DP	CC	sinh	AYH
		<b>Điểm trung bình</b>									
		<b>Tỉ lệ hài lòng (%)</b>									
	làm việc có kế hoạch...Kỹ năng mềm: KN giao tiếp, KN làm việc nhóm.										
31	Học phần này giúp người học gắn kết kiến thức, kỹ năng có được từ HP này với các học phần được học trước/ sau đó	90,91	91,42	88,78	88,89	92,87	91,56	90,46	86,99	90,61	90,35
		95,17	97,31	92,77	92,01	97,2	94,78	96,62	96,84	96,28	92,91
32	Bạn quý mến Thầy/cô giảng dạy trong học phần này	91,58	92,12	89,7	89,36	93,42	92,34	90,88	87,91	91,55	90,45
		95,86	97,87	94,06	93,01	97,16	95,27	96,81	96,36	97,35	92,19
<b>Điểm trung bình chung</b>		<b>90,94</b>	<b>91,48</b>	<b>89,11</b>	<b>88,84</b>	<b>92,85</b>	<b>91,66</b>	<b>90,39</b>	<b>87,44</b>	<b>90,92</b>	<b>90,02</b>
		<b>94,97</b>	<b>97,13</b>	<b>93,21</b>	<b>91,88</b>	<b>96,69</b>	<b>94,66</b>	<b>96,31</b>	<b>95,65</b>	<b>96,65</b>	<b>92,29</b>

**Nhận xét:**

- 07 ngành có ĐTB chung đạt mức Xuất sắc: Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm Y học, YHCT và Hộ sinh

- 03 ngành có ĐTB chung đạt mức Rất tốt: Dược học, RHM, YTCC

- Tất cả các CTĐT đều có tỷ lệ đồng ý chung các tiêu chí > 90%.

**3.5 Các ý kiến đóng góp (phụ lục 2)****4. Kết luận****4.1 Rút kinh nghiệm về khảo sát**

- Các Khoa xây dựng giải pháp để đảm bảo 100% các học phần/ngành đào tạo được khảo sát

- Tiếp tục rà soát bộ công cụ khảo sát nhằm tăng thêm tính giá trị và tin cậy.

- Phối hợp P.ĐTĐH cài đặt tuần học và giảng viên đảm bảo 100% các học phần được lấy ý kiến.

#### 4.2 Sử dụng kết quả khảo sát

- Phòng Đảm bảo chất lượng gửi kết quả chi tiết của từng học phần về các đơn vị triển khai rút kinh nghiệm.

- Căn cứ kết quả và các nội dung rút kinh nghiệm, phòng Đảm bảo chất lượng và các khoa, phòng, trung tâm tổ chức họp rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch cải tiến sau 02 tuần công bố báo cáo. Phòng Đảm bảo chất lượng giám sát, tổng hợp công tác rút kinh nghiệm- cải tiến và báo cáo.

- Các Khoa, phòng chức năng phản hồi các ý kiến đóng góp của người học trong các buổi đối thoại sinh viên. / *lu*

#### Nơi nhận:

- Ban Giám Hiệu;
- Các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường;
- Đoàn thể;
- Lưu: VT, ĐBCL: *lu*



**Phụ lục 1: Bộ câu hỏi khảo sát**

**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

**PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI HỌC VỀ HỌC PHẦN**

*Nhằm kịp thời cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo của học phần, Bạn vui lòng cho ý kiến đánh giá liên quan học phần đã nêu. Thông tin phản hồi sẽ được bảo mật và chỉ được Trường sử dụng để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của các học phần (HP)*

**I. Thông tin chung:**

Theo phần mềm QLĐT

**II. Nội dung đánh giá**

*Bạn chọn 1 trong 5 mức độ với quy ước như sau:*

**0. Không hài lòng    1. Hài lòng ít    2. Tạm chấp nhận    3. Hài lòng    4. Hoàn toàn hài lòng**

hoặc

**0. Không đồng ý    1. Đồng ý một phần nhỏ    2. Tạm đồng ý    3. Đồng ý    4. Hoàn toàn đồng ý**

	Nội dung	Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
	<b>Tiêu chí 1: Phần chuẩn bị trước khi vào học học phần</b>					
1	Bộ môn có giới thiệu về học phần (HP) vào buổi/tiết nhập môn					
2	Cố vấn học tập có hướng dẫn bạn trong lập kế hoạch học tập của học kỳ này					
3	Việc đăng ký học phần vào đầu học kỳ (theo kế hoạch học tập) được thực hiện thuận lợi					
4	Người học biết rõ mục tiêu đào tạo của ngành học					
5	Người học biết rõ Chuẩn đầu ra của ngành học* (* <i>Chuẩn đầu ra ngành học: người học biết và làm được gì sau khi tốt nghiệp</i> )					



Nội dung		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
6	Chuẩn đầu ra của HP này rõ ràng, phù hợp giúp người học đạt được CDR của ngành học ( <i>*Chuẩn đầu ra học phần: người học biết và làm được gì sau khi kết thúc học phần</i> )					
7	Người học biết rõ các nội dung được học của học phần này					
8	Người học biết được các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, tự học sẽ áp dụng cho học phần này khi bắt đầu vào học					
9	Người học biết được phương pháp kiểm tra/đánh giá sẽ áp dụng cho học phần này khi bắt đầu vào học					
10	Người học biết được các tài liệu tham khảo cần đọc khi học học phần					
11	Người học có đầy đủ tài liệu học tập của học phần này trước khi đến lớp ( <i>*Tài liệu học tập: giáo trình/sách; tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn tự học, sổ tay lâm sàng, sổ tay thực hành....</i> )					
12	Người học biết rõ lịch học của HP này ( <i>*Lịch cụ thể: tên bài, tên trường hợp bệnh nếu là ca lâm sàng, giờ học, địa điểm học, giảng viên....</i> )					
	<b>Tiêu chí 2: Quá trình đào tạo trong học phần</b>					
13	Lịch học của HP này được ĐẢM BẢO ( <i>*đúng lịch, đủ lịch, ít thay đổi, thay đổi có báo trước và được dạy bù</i> )					
14	Nội dung của các bài học của HP này giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra học phần ( <i>*Nội dung tương thích giúp đạt được chuẩn đầu ra; nội dung mang tính mới, khoa học, phù hợp với trình độ người học...)</i>					
15	Tài liệu học tập rõ ràng được GV và SV SỬ DỤNG HIỆU QUẢ ( <i>*Tài liệu học tập: giáo trình/sách; tài liệu hướng dẫn tự học, sổ tay lâm sàng, sổ tay thực hành....có nội dung rõ ràng, ít sai sót, có bảng kiểm/công cụ kiểm tra cho mỗi bài học, dễ dàng sử dụng...)</i>					
16	Thời lượng các bài học của học phần này là PHÙ HỢP					
17	Cách thức tổ chức dạy – học trong học phần này PHÙ HỢP ( <i>*Địa điểm dạy- học phù hợp, thời điểm dạy- học phù hợp; trang thiết bị- phương tiện dạy- học phù hợp...)</i>					

Nội dung		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
18	Cách thức tổ chức tự học trong học phần này PHÙ HỢP ( <i>*Địa điểm tự học phù hợp, thời điểm tự học phù hợp; trang thiết bị-phương tiện tự học phù hợp...</i> )					
19	Phương pháp giảng dạy GV giúp người học ĐẠT CĐR của học phần					
20	Phương pháp học và tự học giúp người học ĐẠT CĐR của học phần					
21	Hình thức và phương pháp kiểm tra/đánh giá chuyên cần, thường xuyên của HP này RÕ RÀNG, PHÙ HỢP ( <i>*Rõ ràng: có thang điểm, rubrics rõ ràng và người học được cho phản hồi về kết quả kiểm tra/đánh giá</i> )					
22	Hình thức và phương pháp thi cuối kỳ là RÕ RÀNG, PHÙ HỢP, giúp đo lường được CĐR Học phần ( <i>*Hình thức thi: chạy trạm, thi viết, vấn đáp,.....Phương pháp thi như trắc nghiệm, tự luận, chuyên đề, ...</i> ). ( <i>Rõ ràng: có thang điểm, rubrics rõ ràng và người học được cho phản hồi về kết quả kiểm tra/đánh giá</i> )					
23	Nội dung kiểm tra/đánh giá phù hợp với nội dung trong học phần, ít sai sót.					
24	Nội dung kiểm tra/đánh giá giúp đo lường được chuẩn đầu ra HP và phân loại mức độ đạt của người học....					
25	Bạn hài lòng với công tác tư vấn và trợ giúp của Bộ môn trong suốt quá trình học tập					
26	Đơn vị tạo điều kiện cho bạn đóng góp ý kiến trong thời gian học					
<b>Tiêu chí 3: Kết quả sau khi học học phần</b>						
27	Điểm của học phần này được công bố rõ ràng, chính xác, đúng thời gian ( <i>*Rõ ràng: Đủ các thành phần. Chính xác: không sai sót. Đúng thời gian: Điểm chuyên cần/thường xuyên được công bố sớm giúp người học cải thiện quá trình học tập; điểm cuối kỳ được công bố đúng quy định</i> )					
28	Người học được phản hồi về kết quả học tập của học phần					
29	Người học TỰ ĐÁNH GIÁ đạt được CĐR của học phần					

Nội dung		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
30	Người học rèn luyện được nhân cách và phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sau khi học xong HP này (*Ví dụ: Nhân cách: đạo đức; y đức, tính tích cực, chủ động, làm việc có kế hoạch...Kỹ năng mềm: KN giao tiếp, KN làm việc nhóm... Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu đặt: tìm/nghiên cứu tài liệu, viết báo cáo...)					
31	Học phần này giúp người học gắn kết kiến thức, kỹ năng có được từ HP này với các học phần được học trước/ sau đó					
32	Bạn quý mến Thầy/cô giảng dạy trong học phần này					

03 điều hài lòng nhất về học phần này:

.....

03 điều ít hài lòng nhất về học phần này

.....

**Trường cảm ơn các bạn đã đóng góp ý kiến và chúc các bạn thành công trong học tập!**

**Phụ lục 2: Tổng hợp các ý kiến góp ý theo học phần**

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YY1401	Phục hồi chức năng	<p>Ít gặp nhiều trường hợp bệnh để học hỏi thêm kinh nghiệm thực tế</p> <p>Nên dạy các bài theo thứ tự để nắm được sơ lược tới cụ thể môn PHCN ạ</p> <p>Học lí thuyết ở hội trường bệnh viện</p> <p>Bài quá dài, thời lượng cho mỗi bài quá ít</p> <p>Lược bớt phần không sát thực tế</p> <p>Cho thời gian học thực hành nhiều hơn</p> <p>Giá mà được học môn này sớm hơn, vì lớp chúng em đã đi xong vòng nội bệnh lý mới được học</p>
YY1001	Huyết học cơ bản	<p>Kiến thức khá khó</p> <p>Bài giảng khá ngắn nên tăng thời lượng giảng</p> <p>Giảng viên cung cấp quá nhiều kiến thức hàn lâm, nghiên cứu sâu chuyên ngành</p> <p>Phần thực hành: Lúc học chỉ làm các bài tập nhỏ, tình huống đơn lẻ. Đến lúc thi thì bài tập tổng hợp nhiều tình huống lớn phức tạp, gây khó khăn nhất định đến bài thi</p> <p>Nội dung đề thi thực hành quá dài, thời gian chưa tương xứng để làm bài</p> <p>Giáo trình nên cô đọng súc tích hơn</p> <p>Nhiều bài kiểm tra thường xuyên quá làm áp lực</p> <p>Nội dung nhiều nhưng thời gian học khá ít</p> <p>Tổ chức thi giữa kì vẫn còn vấn đề: đề thi và phương thức tổ chức</p> <p>Hình ảnh photo hơi mờ khó quan sát</p> <p>Thi thực hành hội trường quá đông giáo viên phổ biến hoặc có sai sót đề thi thông báo không nghe</p> <p>Đề thi cuối học kì dài, không đủ thời gian cho sinh viên làm, nhất là những câu đếm mệnh đề</p> <p>Bài tập tự học nhiều và dài, có bài tập tự học ngoại ngữ chưa thật sự phù hợp với đại đa số sinh viên. Đa số sinh viên làm trên tinh thần đối phó</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		Sinh viên chưa được thực hành trên kính hiển vi
CB0110	Anh văn chuyên ngành I	<p>Dạ đầu năm bộ môn có nói là thay đổi hệ số tính điểm học phần cho k48 là 4:6 mà sao hệ thống điểm lại tính theo hệ số 3:7 ạ. Cho e hỏi là khi nào sẽ được cập nhật lại ạ vì gần tới chấm điểm rèn luyện ảnh hưởng đến xếp loại học lực ạ</p> <p>Thang điểm 1:3:6 nhưng trên hệ thống để là 1:2:7 chưa được chỉnh sửa</p> <p>Lịch học bị thay đổi nhiều</p> <p>Nên có thêm bài tập trong tài liệu tự học</p> <p>Tài liệu tự học nên có màu</p> <p>Cho thêm các câu bệnh án</p> <p>Nên tạo không khí vui vẻ hơn</p> <p>Trang thiết bị như máy chiếu bị mờ, ảnh hưởng một phần đến bài giảng của giảng viên</p> <p>Kiến thức y chưa được biết phải trả lời và hiểu bằng tiếng anh</p> <p>Giáo viên nên nói tiếng anh và có thể dịch sang tiếng việt để một số bạn không hiểu tiếng anh có thể biết được giáo viên đang hỏi gì</p> <p>Chưa có slide bài giảng để ôn tập</p>
CB0112	Anh văn chuyên ngành III	Đáp án của elearning còn sai
CB0310	Triết học Mác-Lênin	<p>Điểm thường xuyên quá mang tính chủ quan, quá phụ thuộc vào giảng viên.</p> <p>Điểm thường xuyên không minh bạch. Không gửi bản điểm thường xuyên tổng kết trước thi kết thúc như những môn khác. Gây sai sót điểm trong hệ thống đến khi phát hiện và không sửa lại được. Gây mất điểm.</p> <p>Phương pháp dạy của giảng viên quá lan man, không kiến thức trọng tâm</p> <p>Nên có nhiều bài tập và câu hỏi ngắn</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Lớp quá đông ngồi xa không thấy bảng, kiến thức khó nhớ, khó hiểu, hơi trừu tượng</p> <p>Kiểm tra giữa kì có sự chênh lệch giữa sinh viên số chẵn và số lẻ</p> <p>Ít cơ hội để thảo luận nhóm</p> <p>Đáp án lượng giá sai</p> <p>Sinh viên thụ động trong tiết học</p> <p>Nhiều câu hỏi không nằm trong nội dung bài học</p> <p>Kiểm tra online bị tắt nghẽn web do đông sinh viên nhưng không được thông báo về thời gian nộp bài</p> <p>Nghỉ bất thường không thông báo trước</p>
YY0411	Thăm dò chức năng	<p>Rất nhiều buổi học trái thời khoá biểu, học buổi tối. Giảng viên thường bận rồi cho nghỉ không báo trước tuy đã có lịch giảng từ giáo vụ bộ môn từ đầu tuần.</p> <p>Nhiều bài giảng kéo dài, còn những kiến thức theo em cần được thực hành nhiều, gặp nhiều trên lâm sàng như đọc ECG thì dồn bài, dạy nhanh ít thực hành, khó nắm bắt và ghi nhớ, một số nội dung còn mang tính hàn lâm, ít có ý nghĩa trong thực tế lâm sàng.</p> <p>Đề thi cuối kỳ có quá nhiều câu hỏi đếm số đáp án đúng, mang tính chất đánh đố, không phù hợp với lượng giá kiến thức sinh viên.</p> <p>Đề thi cuối kỳ rất dài mà thời gian ít không đủ để đọc đề, hình thức câu hỏi và chọn đáp án đúng gây khó hiểu cho người thi.</p>
YT0515	LT. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm II	<p>Không đi thực tập nhiều</p> <p>Đề thi lý thuyết có vài câu sai đề và đáp án</p> <p>BM chưa gửi đáp án đề thi lý thuyết cho lớp để phản hồi mà lên điểm trên hệ thống luôn</p>
YT0501	Dinh dưỡng và An toàn	<p>Lý thuyết hơi nhiều so với thực tập thực sự</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
	thực phẩm	
YY1901	Tâm thần	<p>Phải làm trắc nghiệm rất nhiều để được 10 điểm chuyên cần  Đề thi giữa kì dài, thời gian ngắn và chọn nhiều đáp án.  Bệnh viện rất xa nhưng thường bình bệnh án ra trễ  Sách sai sót quá nhiều  Giờ học bất thường  Bài kiểm tra giữa kì và cuối kì lâm sàng quá áp lực. Nếu như có thể giảm nhẹ thì 2 tuần Lâm sàng của tụi em sẽ có thời gian và động lực tiếp xúc với bệnh nhân nhiều hơn thay vì ngồi ôm sách vở.  GV làm cho SV bị áp lực và cũng chưa thực sự thoải mái để học tập, không khí lớp học bị nặng nề. Các thầy cô có thể dịu dàng hơn với tụi em 1 chút, để tụi em có thể thêm yêu môn học, để hiểu được những áp lực vốn có, đặc thù của bộ môn Tâm thần này. GV không hiểu SV, SV lại không hiểu GV thì khoảng cách ngày càng xa và rất khó khăn trong việc gắn kết. Em mong rằng BM hãy lắng nghe tụi em thêm 1 chút nữa ạ.</p> <p>Các hình thức kiểm tra từ tự học, chuyên cần, giữa kì lý thuyết, giữa kì lâm sàng nên được rút gọn xuống, thật sự nhìn các bài kiểm tra thật sự rất áp lực, áp lực kinh khủng; kiểm tra giữa kỳ lý thuyết trắc nghiệm chọn nhiều đáp án đúng (chiếm đa số), thời gian ngắn làm cho SV khó có thể được điểm trên trung bình - khá, rồi tới kiểm tra giữa kỳ lâm sàng rồi cuối kỳ lâm sàng, có nhiều điều để phải học nhưng lại không biết bắt đầu từ đâu, đi LS Tâm thần 2 tuần thôi nhưng stress rất nhiều ạ. Khi áp lực chồng chất như vậy vô hình chung làm việc học trở nên kém hiệu quả</p> <p>Lượng giá bằng hình thức chọn nhiều câu đúng không thể hiện đúng khả năng của sinh viên.</p> <p>Khối lượng mục tiêu lâm sàng là tương đối nặng.</p> <p>Yêu cầu quá nhiều điều kiện để thi lâm sàng</p> <p>Phần thi tư vấn quá khó vì các tiêu chuẩn khá dài, khó nhớ</p> <p>Nhóm y6 đi lâm sàng chung mà bệnh nhân ít, đòi mỗi người 1 bệnh</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YY1603	LT.Phụ sản II	<p>Một số bài thời lượng 1 tiết là hơi ngắn</p> <p>Đôi khi phải học liên tục 4 tiết, cảm thấy có vẻ quá sức</p> <p>Phòng học nóng bức, máy chiếu thường xuyên hư ảnh hưởng đến thời gian học tập</p> <p>Số tiết cho mỗi bài không phù hợp với mục tiêu cần đạt được của bài</p> <p>Ít thời gian trao đổi giảng viên</p> <p>Giáo trình còn thiếu 1 ít cập nhật</p> <p>Phân bố thời gian dạy chưa hợp lý</p>
YY1605	LT.Phụ sản III	<p>Trong cùng 1 học kì, bài kiểm tra giữa kì các lớp có sự khác nhau về hình thức kiểm tra, lớp thi tự luận, lớp thi trắc nghiệm, lớp thi trắc nghiệm được thông báo trước để học bài, lớp thi tự luận thì không, điểm tự luận chấm cũng không khách quan bằng trắc nghiệm.</p> <p>Thời gian lâm sàng dày đặc</p> <p>Áp lực về tinh thần</p> <p>Quy trình thi cử hơi phức tạp</p> <p>Đường xa, trực nhiều</p> <p>Giáo trình nên chia ra nhỏ hơn</p> <p>Phòng sv tại bvps quá nhỏ và nóng. Lại nằm chung khu vực căn tin và khoa dinh dưỡng</p> <p>Em nghĩ việc kiểm tra cho thêm câu hỏi về học hàm học vị người dạy là không cần thiết, Nên tập trung vào hỏi kiến thức sẽ hay hơn.</p> <p>Thời gian học ít, lượng kiến thức nhiều</p> <p>Cần thêm nhiều hình ảnh lâm sàng minh họa</p>
CB0201	Hoá học	<p>Cần nhiều câu hỏi cho sinh viên trong lớp</p> <p>Phân bố thứ tự nội dung bài chưa phù hợp</p> <p>Thời gian thực tập ít</p> <p>Cần hướng dẫn thêm nhiều ví dụ minh họa phản ứng</p> <p>Đề thi khó, thời gian làm không kịp</p> <p>Giáo trình lan man, nội dung trải dài chưa trọng điểm</p> <p>Còn ít nhấn mạnh về vai trò đối với ngành y dược trong giáo trình</p> <p>Nên tách bớt nội dung sang phần tự học để dễ tiếp thu hơn</p> <p>Ít hướng dẫn làm bài tập</p>



Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		Không có đáp án ngân hàng câu hỏi
YY0402	Sinh lý II	<p>Lịch giảng dạy thường không cố định</p> <p>Mỗi buổi học có tận 4 lớp, thiết nghĩ là nên tổ chức 2 lớp một buổi học</p> <p>Slide bài giảng của giảng viên chưa được phổ biến cho sinh viên, cần tổ chức thêm một đến hai buổi ôn tập trước khi thi</p> <p>Chưa có nhiều slide đăng trên elearning để thuận tiện cho sinh viên ôn bài ạ</p> <p>Học vào ban đêm đôi khi học cả ngày mệt không còn sức cuối ngày để tiếp thu bài. Hy vọng sau này bộ môn xếp lịch tránh những ngày đã có lịch học sáng trưa rồi</p> <p>Nhà giữ xe ban đêm rất đông và thu tiền 4k sau 9h</p> <p>Thời lượng thực hành hơi ít</p> <p>Thầy Kiên nên dạy hết các bài</p> <p>Thầy Kiên dạy ít</p> <p>Điểm thi cuối kì còn sai đáp án nhiều</p> <p>Trả lời câu hỏi khó được cô cho 10 điểm nhưng chỉ được bộ môn +0,5 điểm</p> <p>Đề thi rất sát với nội dung học tuy nhiên chưa trải đều hết được các bài để đánh giá chung</p> <p>Em nghĩ nên có một tài liệu trắc nghiệm 5 đáp án abcdef (hay tự luận) hay dựa trên phương thức kiểm tra để nắm rõ được cách ra đề hoặc có một tài liệu gì đó để học viên có thể tự đánh giá lại, không giới hạn câu hoặc tương tự tài liệu tự học như vi sinh để có hướng học rõ nhất, đây là ý kiến riêng của em, em cảm ơn</p> <p>Hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính trọn đề làm mức độ đề thi không đều</p> <p>Thực hành không có đáp án để dò</p> <p>Có tuần số buổi học liên tục</p>
DD0101	Điều dưỡng cơ bản	<p>Mỗi buổi học có số lượng sinh viên quá đông, giảng đường chật, hệ thống mic không tốt</p> <p>Thầy cô chưa phổ biến slide bài giảng đến sinh viên</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Hình thức thi giữa kỳ là trên googleform và tại nhà nên còn tồn tại nhiều tiêu cực trong học tập</p> <p>Thời lượng thực tập quá ít, ít điều kiện thực hiện thủ thuật</p> <p>Giáo trình nhiều chữ</p> <p>Giờ giảng cần sôi động hơn</p> <p>Thời gian thực hành tại BV còn ít, tăng thêm thời gian thực hành từ 2 lên 4 tuần</p> <p>Các buổi học nên hướng dẫn việc sinh viên đi thực tập ở bệnh viện</p> <p>Chưa có tương tác giữa giảng viên với sinh viên</p> <p>Kiến thức khó chưa cô đọng nhiều kiến thức lạ lẫm</p> <p>Báo cáo thực hành hơi khó ở khoa chấn thương chỉnh hình</p> <p>Kiểm tra ít có sự kiểm soát chặt chẽ, cần nâng cao tần suất kiểm tra thường xuyên</p> <p>Em xin có góp ý về giáo trình như sau: sách DDCB nói riêng và một số môn khác hiện tại đang dùng giấy có độ bóng làm cho em khi đọc sách dưới ánh đèn sẽ bị chói mắt ạ. Nếu có thể thay đổi thì em nghĩ nên sử dụng giấy bình thường thôi ạ, giá thành rẻ hơn, ít bị chói mắt hơn và ghi chú vào sách hoặc đánh highlight sẽ đỡ bị lem hơn ạ. Em cảm ơn.</p> <p>Nhiều kính bị hư</p>
YY0601	Hoá sinh	<p>Đôi khi cần được tóm tắt cuối chương</p> <p>GV dời buổi học nhưng lại thay đổi quá nhiều lịch bù, đổi rất nhiều buổi, dồn rất nhiều lớp học chung (bao gồm vừa cử nhân vừa y khoa)</p> <p>GV yêu cầu quay clip thuyết trình về bài học nhưng lại không giảng lại những ý chính và không nhận xét đủ clip do không đủ thời gian học (gom nhiều lớp làm nhiều clip nên không có đủ thời gian xem và nhận xét hết)</p> <p>Cách học đa dạng chưa theo kịp</p> <p>Hình thức kiểm tra, đánh giá của học phần chưa được quy chuẩn và thay đổi liên tục trong quá trình thực hiện</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Thi thực hành cuối kì không có tài liệu tham khảo hay ôn tập, học hết sách thực hành vẫn không làm được điểm cao do bộ môn chấm theo đáp án nào sinh viên không biết được.</p> <p>Kiến thức nhiều so với số lượng tiết học trên lớp</p> <p>Hình thức tổ chức giảng dạy của cô Mai không phù hợp, không hiệu quả, gây mất thời gian và công sức của sinh viên nhưng không có yếu tố xây dựng bài học</p> <p>Hình thức kiểm tra và chấm điểm không rõ ràng, không công bố sớm để sinh viên nắm và cải thiện điểm cuối kì</p> <p>Chưa có nhiều câu lượng giá để tự học.</p> <p>Các đợt kiểm tra chưa đồng nhất về mặt ghi nhận kết quả.</p> <p>Phân bố thời gian kiểm tra gần với đợt kiểm tra các môn học khác</p> <p>Giáo trình có quá nhiều hình ảnh có chất lượng kém, nhìn không rõ</p>
YY1501	Ung thư đại cương	<p>Thầy Phạm Hoàng Minh Quân không tham gia giảng lý thuyết, để sinh viên tự đọc sách.</p> <p>2 bài lý thuyết chưa được dạy mà đã thi</p> <p>Đề kiểm tra đòi hỏi kiến thức chuyên khoa nhiều</p> <p>Các bạn thực tập tại CS2 hầu như không đi lâm sàng</p>
YY0903	LT.Nội bệnh lý I	<p>Đề thi quá khó</p> <p>Thời gian giảng dạy ít</p> <p>Giáo trình cùn cụt thể hơn nữa</p> <p>Bổ sung thêm tình huống lâm sàng</p> <p>Giáo trình có bài quá dài nhưng có bài lại cũng quá ngắn</p> <p>Giáo trình còn nhiều thông tin khác slide</p>
YY0907	LT.Nội bệnh lý II	<p>Đề thi quá khó</p> <p>Một số bài bị dạy dồn trong 1 buổi gây hạn chế tiếp thu</p> <p>Có bài chưa được dạy nhưng vẫn cho thi</p> <p>Bài khó nhớ</p> <p>Thời lượng giảng dạy ít</p> <p>Còn ít tình huống lâm sàng</p> <p>Một số bài giáo trình quá khác slide</p> <p>Chênh lệch, sách viết bài thi dài, bài thi ngắn</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YY0913	LT.Nội bệnh lý IV	<p>Lý thuyết còn nhiều bài không được học Lâm sàng có bệnh không được bình mà thi Mong bộ môn có xuất bản giáo trình Giáo trình lan man Giáo viên giảng bài khá khó hiểu Lượng kiến thức nhiều thời gian học ít Hình ảnh chưa nhiều</p>
YY0701	Vi sinh	<p>Slide chữ bị che. Không đọc được ở cuối lớp. Do chữ trên slide nằm ở dưới Bài khá nhiều Nội dung nhiều nên có những phần vẫn lan man chưa hiểu hết Nên thêm màu vào sách thực hành Phần thi thực hành có vài hình ảnh khá khó nhìn Phòng thực hành rất đông và rất nóng, thời gian thực hành hơi ít, ít được xem khúm khuôn Kiểm tra cần khách quan hơn Bài giảng cần cập nhật tốt hơn Tự học nên cho thêm câu trắc nghiệm và đáp án</p>
CB0405	Tin học đại cương	<p>Thầy chưa dạy hết bài trong giáo trình Đề thi lý thuyết quá khó. Giờ học chưa linh động Phòng học thiếu máy do máy lỗi, máy chạy chậm. Cần thêm bài tập thực hành về nhà. Trao đổi, giao lưu học tập nhiều hơn. Thời gian thực hành còn ít Phòng học nóng Lượng bài tập được giao mỗi buổi thực hành quá nhiều Không có slide các bài giảng để dễ ôn tập</p>
CB0406	Tin học ứng dụng	<p>Bộ môn lấy danh sách sinh viên từ hệ thống đăng kí qua mà lấy sót, rồi còn đổ thừa và gắt gỏng lên với sinh viên, kêu là đăng kí sau này hay như thế nào mà lúc copy danh sách qua không có, trong khi em đã đăng kí đúng thời hạn được thông báo.</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Lịch Thực hành đổi và bù lung tung, gây khó khăn cho học viên là sinh viên khác lớp trong việc sắp xếp thời gian học. Theo lịch cũ là cỡ tháng 11 đã xong thực hành, nhưng trên thực tế các buổi thực hành bị dời đến gần cuối thi học kì mới xong.</p> <p>Trưởng bộ môn không trả lời/ trả lời rõ ràng, thái độ gắt gỏng và coi thường khi sinh viên xin đổi buổi do trùng lịch lâm sàng, lịch học và thi môn khác.</p> <p>Lý thuyết quá khó hiểu</p> <p>Thực hành giảng quá nhanh</p> <p>Đề giữa kỳ có mức độ khó không đồng đều cho mỗi bạn</p> <p>Phòng máy cũ, nhiều máy hư/ chậm</p>
DK0305	Dược lý lâm sàng	<p>Mong bộ môn giảng dạy thêm các bài quan trọng có trong sách: thuốc trị tiêu chảy, thuốc trị hen phế quản</p> <p>Đáp án lượng giá của mỗi bài trong giáo trình chưa chính xác</p> <p>Kiến thức nặng, bài quá dài</p> <p>Thời gian giảng quá ngắn, không truyền tải hiệu quả kiến thức</p> <p>Đề thi quá khó</p>
DK0301	Dược lý	<p>Đôi khi vắng tiết sau đó học bù lại rất ngắn vì thời lượng tiết học rất dài không thể nào nhớ hết được kiến thức</p> <p>Lớp học bị ồn do quá đông</p> <p>Không khí học tập bị thụ động</p> <p>Cần sinh động hơn trong cách dạy</p> <p>Sách cần làm sinh động và ít chữ lại, nhiều câu hỏi hơn nữa</p> <p>Sách dược lý 1 mới xuất bản không có bài dược động học cho sinh viên y đa khoa</p> <p>Không đồng đều về đánh giá kết quả giữa các giảng viên</p> <p>Dung lượng khá khủng nhưng dồn lại 1 học phần, em nghĩ nên tách ra thành 2 học phần, đảm bảo khả năng nắm được kiến thức của sinh viên</p> <p>Một số giảng viên chưa tìm được cách dạy hiệu quả</p> <p>Nội dung không nên quá lan mang</p> <p>Quá khó, mong sẽ có ngân hàng đề củng cố kiến thức trước khi thi</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Đề thi khó, không làm kịp</p> <p>Thời lượng cho 1 bài học quá ngắn</p>
YT0102	Dịch tễ học II	<p>Phản điểm giữa kì em mong sẽ có cụ thể thang điểm đánh giá những điều nhóm em đạt được và chưa đạt được để chúng em biết đang sai ở điều gì và có thêm kinh nghiệm</p>
YT0101	Dịch tễ học	<p>Bài học dài, khó nhớ, nhiều số liệu</p> <p>Sắp xếp thời gian học thực hành chưa phù hợp, không thống nhất</p> <p>Cách đăng ký buổi học thực hành còn khá mới, chưa quen lắm</p> <p>Lịch báo thi quá gần với ngày thi, tụi em không chuẩn bị kịp</p> <p>Điểm lên hệ thống còn khá lâu</p> <p>Đề cuối kỳ bị lỗi đáp án, bộ môn đã biết đến vấn đề này nhưng không phản hồi lại với sinh viên, chỉ im lặng cho qua. Có vẻ đợt thi lần này có nhiều bạn khoa khác lớp khác học ngoài y nên số lượng, phổ điểm có vẻ "ôn". Nhưng thực tế rất nhiều sinh viên y5 chỉ cần nhìn vào đề thi vài câu ở trạm đầu là đoán được, không phải lỗi của 1 trạm, vài câu mà là TOÀN BỘ ĐỀ THI. Học kỳ vừa rồi cũng có một bộ môn khác phát hiện lỗi đáp án ở đề, và so với cách im lặng của bộ môn thì ở bộ môn kia ngay lập tức phản hồi và hủy kết quả thi lần đó, tổ chức thi lại vào đợt sau. Công sức của bạn học bài thi bao nhiêu ngày đêm để có thể hấp thụ được kiến thức, so với những nụ cười khoái chí đặc ý về lỗi lầm này của bộ đề thật đáng thất vọng. Em rất buồn.</p> <p>Bộ môn cho đăng kí ngày học thực hành nhưng những buổi ít sinh viên sẽ không mở lớp và chỉ thông báo trước 1 ngày, trong trường hợp không được mở lớp buộc sinh viên phải tự kiếm các bạn khác để chọn buổi để ghép lớp làm phiên sinh viên đang đi lâm sàng tại bệnh viện</p> <p>Các thầy chưa thống nhất về hình thức, nội dung bài thi tự luận đối với một số dạng bài cơ bản</p>
YT0202	LT.Dân số học	<p>Bài tương đối khó hiểu</p>
YY0922	Hồi sức cấp cứu	<p>Cô Thùy chỉ đọc trong giáo trình chứ không giảng</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YT0401	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	<p>Học đầy đủ tiết nhưng không được 10 điểm chuyên cần</p> <p>Đề thi hơi đánh đố cao nên điểm thi thấp</p> <p>Kiến thức nhiều nhưng không nhận được phương pháp dạy ổn định</p> <p>Tổ chức lớp học quá đông dẫn đến không có chỗ ngồi, mất trật tự, không thấy bảng khi ngồi quá xa</p> <p>Nghỉ không báo trước</p> <p>Môn học hơi trừu tượng hóa, khó để tự học, tự mở rộng</p> <p>Bài giảng , giáo trình ít được cập, nhật</p> <p>Không hài lòng về cách đánh giá học phần</p> <p>Nội dung đề thi lan man không trọng tâm</p> <p>Không hệ thống được kiến thức cần nắm bắt</p> <p>Cách đánh giá điểm chuyên cần không công bằng</p> <p>Hy vọng BM sẽ trao đổi trực tiếp với BCS qua các hình thức tin nhắn điện tử, chứ đăng trên Facepage của BM đôi khi tiếp nhận thông tin bị trễ</p> <p>Một số giảng viên không thân thiện. Một số bài giảng không được giảng dạy.</p> <p>Một số bài kiểm tra làm trên form không thể biết đáp án chính xác mà các câu này lại có trong đề thi cuối kỳ,</p> <p>Điểm cộng làm bài thêm cuối không có barem rõ, cộng điểm không hợp lý giữa các bài</p> <p>Quá nhiều bài kiểm tra giữa kì (4-5 bài)</p> <p>Không có thực hành</p> <p>Chưa rõ cách chấm điểm thuyết trình</p>
YY1103	LT.Ngo ại bệnh lý I	<p>Một số giảng viên không lên lớp</p> <p>Nhiều bài học rất dài nhưng thời gian giảng ngắn</p> <p>Lịch học bị thay đổi nhiều ít khi đúng lịch</p> <p>Lý thuyết quá dài</p> <p>Hy vọng có nhiều thông tin hơn về các phương pháp phẫu thuật</p> <p>Có giảng viên bởi vì 1 số ít sinh viên đi trễ mà bảo cả lớp là ko chịu học, cho nên lúc dạy chỉ nói sơ qua các kiến thức cho đến khi hết tiết</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YY1105	LT.Ngo ại bệnh lý II	<p>Cho đề thi hơi khó, còn nhiều nội dung trong đề thi chưa có trong sách/giáo trình</p> <p>Lý thuyết quá dài</p> <p>Dạy hơi nhanh</p> <p>Giáo trình về phân mục đích sử dụng của các đĩnh, vít cần ghi cụ thể ra sử dụng trong trường hợp tối ưu nhất</p> <p>BM nên giới thiệu thêm nhiều tài liệu tham khảo cho sinh viên</p> <p>Phản hồi đáp án cuối kỳ có minh chứng theo giáo trình bộ môn rõ ràng và thầy cô cũng nói là thi dựa theo giáo trình mà khi nhận phản hồi đáp án cuối kỳ chỉ nhận được câu trả lời là theo một số tài liệu gì đó (không nói cụ thể ) và có câu phản hồi thì chỉ ghi lại đáp án đề không chỉ ra điểm sai/công nhận đáp án của người phản hồi, em xin cảm ơn.</p>
YY1111	LT.Ngo ại bệnh lý III	<p>Thầy Nguyễn giảng khó hiểu</p> <p>Phần bài giảng của thầy Nguyễn (chương tiết niệu-BM ngoại) , dạy học được 30 phút (mặc dù cũng nói ngoài lề) xong còn lại tự học mặc dù còn tận 2-3 bài chưa dạy.</p> <p>Giáo trình quá vắn tắt phần các phương pháp phẫu thuật hay hướng xử trí ngoại khoa</p> <p>Giáo trình lan man</p> <p>Thời gian học ít</p> <p>Lượng kiến thức nhiều</p> <p>Cần thêm hình ảnh</p> <p>Khối lượng kiến thức nhiều</p> <p>Chưa sắp xếp lịch học phù hợp</p> <p>Thời gian từ lúc thông báo kiểm tra giữa kì tới lúc kiểm tra khá gấp rút. Khó khăn cho sinh viên trong sắp xếp thời gian</p> <p>Bộ môn Thần kinh thì lịch học bị thay đổi nhiều</p>
YY1123	Phẫu thuật thực hành	<p>Một số buổi học thực hành dạy quá thời gian</p> <p>Một số buổi thực hành còn chưa tập trung vào bài học</p> <p>Sự khác nhau giữa các trạm thi thực tập là quá xa</p>



Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Thực hành không có đủ dụng cụ cho mỗi sinh viên khi thực hành. Đề nghị chia nhỏ nhóm ra học ạ , nhiều dụng cụ thiếu, hoặc cũ không sai được</p> <p>Cần công bố điểm và đáp án sớm để có thời gian phản hồi kịp lúc, cần công bố cách tính điểm thành phần như thế nào và hướng dẫn cụ thể số bài cần học khi học thực hành</p> <p>Bài giảng dài mà số tiết lại ít, GV không thể đi sâu hơn bài học</p> <p>Một vài thầy cô vào lớp chưa đúng giờ</p> <p>Cho nghĩ quá nhiều,nên sắp xếp một người dạy chính và dạy phụ khi giáo viên chính bận có thể để giáo viên phụ dạy giúp, để cho việc học thực hành các thủ thuật diễn ra tốt hơn</p> <p>Đề kiểm tra toàn là tình huống lâm , trong khi đó tụi em chưa được đi lâm sàng nhi và trong khi dạy cũng rất hiếm nhắc tới những tình huống như vậy. Đúng là ra đề rất hay, rất thực tế. Nhưng cũng quá bất ngờ và có phần hơi làm khó sinh viên</p> <p>Cần cho nhiều lượng giá cuối bài hơn</p>
RH0207	Vật liệu – thiết bị nha khoa	<p>Điểm số có trễ</p> <p>giảng viên vắng nhiều</p> <p>Hay cho nghỉ, nhiều khi sinh viên lên lớp được 30 phút rồi giảng viên mới báo nghỉ</p> <p>Cách giảng của giảng viên chưa thu hút lắm</p> <p>Thi kết thúc học phần: thông báo là điền khuyết, nhưng khi thi lại là tự luận ngắn</p>
YY0201	Mô phôi	<p>Cách giảng bài còn chưa được linh hoạt, dễ gây nhầm chán vì nội dung bài nhiều.</p> <p>Giáo trình trình bày chưa phù hợp, không nhất quán. Bên cạnh đó không nhất thiết phải trình bày tất cả các kiến thức mở rộng liên quan để làm sinh viên khó nhớ và không chịu tìm hiểu thêm.</p> <p>Thầy cô bận nhiều nên đến cuối kì phải chạy chương trình gấp rút</p> <p>Đề giữa kỳ lý thuyết chưa phù hợp, gây khó hiểu khi làm</p> <p>Giảng đường và phòng thực hành hơi chật</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		Atlas thực hành bị lỗi
YY0923	Thần kinh	<p>Sách viết chưa hay, giá thành giáo trình quá cao, cần bổ sung thêm hình ảnh sinh động trong giáo trình mới để học</p> <p>Nội dung bài học còn khá khó hiểu, dạy nhanh và nhiều khi khó nghe rõ được chữ</p> <p>Số tiết học lâm sàng ít</p> <p>Thực tập khá xa</p> <p>Thời gian cho mỗi bài lý thuyết ít, khó hiểu trọn vẹn vấn đề</p> <p>Đề thi khó, đòi hỏi áp dụng CAO</p>
CB0311	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	<p>Những nội dung thầy thông báo để chuẩn bị cho kỳ thi phần lớn không giống với đề thi</p> <p>Nghỉ nhiều buổi, sắp xếp học bù nhiều</p> <p>Hình thức điểm phát biểu được cộng vào điểm kiểm tra thường xuyên bị lạm dụng. Có tình trạng sinh viên đứng lên phát biểu không phù hợp với mục tiêu bài học và tự cộng điểm phát biểu cho mình, sau khi tổng kết thì sinh viên đó được hơn 20 lần phát biểu và được cộng vào điểm kiểm tra thường xuyên rất cao trong khi điểm kiểm tra thường xuyên của sinh viên đó rất thấp, dẫn đến không phân hoá được giữa sinh viên cố gắng học bài và sinh viên cố tình lạm dụng điểm phát biểu. Từ đó có tình trạng sinh viên không muốn học bài mà chỉ chú tâm lên lớp phát biểu những câu sáo rỗng và tự tính điểm cho mình.</p> <p>Đề nghị giảng viên nên chủ động quản lý điểm cộng hơn là để sinh viên tự báo cáo sau buổi học cuối cùng vì có tình trạng không trung thực.</p> <p>Một số nội dung khó chưa giảng kỹ</p> <p>Thời gian học trên lớp tương đối ngắn</p> <p>Lịch học chưa cố định</p> <p>Giáo trình khá dài</p> <p>Phòng đông sinh viên và học chiều nên rất nóng</p>
YY2301	Tai Mũi Họng	<p>Khó tiếp cận được thực tế</p> <p>Đề kiểm tra cuối kì quá khó</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Dạ em chỉ có 1 ý không phải không hài lòng về BM, nhưng em chỉ góp ý BM nên cho biết điểm CK sớm hơn thi thực tập ạ. Do em biết rất khó để điểm thực tập được điểm cao, nhưng em đã nỗ lực để GK đạt điểm 9 như dự kiến sẽ đạt điểm A, cuối cùng CC do không đạt chuẩn nên không đc điểm CC là 10. Thì em đã rớt xuống điểm B với con số 8,44 vì CC 9 điểm. Em chỉ muốn chia sẻ đôi chút nỗi niềm của em chứ không có ý đánh giá không hài lòng về BM ạ. Em trân trọng biết ơn thầy cô đã dạy cho em nhiều kiến thức bổ ích.</p> <p>Đề kiểm tra đòi hỏi kiến thức chuyên khoa nhiều, mở rộng hơn nhiều so với kiến thức được giảng dạy</p>
YY0924	LT. Nội cơ sở I	<p>Tại sao đề thi cuối kì lần 1 cho các lớp đang đi lâm sàng thì lại mới toang, còn ở đợt 2 cho các lớp đã đi lâm sàng xong rồi thì lại sao y chang đợt 1 ?</p> <p>Đa số một phần lý thuyết, còn lại thì bảo là đi lâm sàng nhưng khi đi lâm sàng thì lại không dạy</p> <p>Giáo trình không liên kết, cảm giác vay mượn nhiều nhưng không nói đầu - đuôi</p>
YY0926	LT. Nội cơ sở II	<p>Vắng tiết rồi học bù lại cuối tuần rất ngán</p> <p>Thầy cô quên lịch</p> <p>Học rất thụ động</p> <p>Không tương tác được với giảng viên nhiều</p> <p>Cần làm sinh động hơn cho bìa và nội dung trang sách</p> <p>Chữ nhiều, ít hình ảnh, ít ví dụ</p> <p>Sắp xếp lịch học không hợp lý, chủ yếu dạy online cho qua chuyện.</p> <p>Không minh bạch trong thi cử, có gian lận, mua chuộc.</p>
YY0933	Nội cơ sở	Kiến thức quá nhiều
YY0101	Giải phẫu I	<p>Thực hành chưa hiệu quả</p> <p>Lịch học thay đổi nhiều nhưng chưa quá linh hoạt trong việc cho phép học viên thay đổi nhóm học (thực tập)</p> <p>Một số giảng viên không cung cấp thêm tài liệu cho học viên</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Một số giảng viên ít dạy kiến thức hoặc giảng dạy kiến thức sâu hơn nhiều so với chuẩn đầu ra</p> <p>Giáo trình có sai sót trong chính tả</p> <p>Điểm thi công bố khá chậm</p> <p>Thiếu dụng cụ, thiết bị thực tập, dụng cụ thực tập bị dính nhiều mực nhiều chỗ bị phai màu</p> <p>Thời gian học còn ít</p> <p>Phương pháp giảng dạy cần được sáng tạo</p> <p>Tiết thực hành THƯỜNG KHÔNG CÓ giảng viên hỗ trợ, thực tập xác KHÔNG CÓ giảng viên hỗ trợ, giảng viên trong tiết thực hành KHÔNG giải đáp thắc mắc của sinh viên (dù sinh viên đã trực tiếp hỏi)</p> <p>Thời gian thi thực hành quá ngắn</p> <p>Giáo trình cần bổ sung thêm hình ảnh</p>
YY0104	Giải phẫu	<p>Do là môn mới nên còn nhiều ngỡ ngàng khi học tập và thực hành</p> <p>Thời gian thi thực hành quá ngắn trong khi tới tận 20 chi tiết</p> <p>Lúc thi thực hành các chi tiết được chỉ ra khó nhìn làm mất thời gian tìm kiếm chi tiết cần ghi đó thì đã qua các chi tiết khác</p> <p>Kiến thức quá rộng quá là rộng để học trong thời gian ngắn và thi thì toàn là các chi tiết nhỏ trong các bài khó mà học được</p>
YY0103	Giải phẫu	<p>Cần thêm câu hỏi lượng giá cho bài học của mỗi bài.</p> <p>Thêm tài liệu tham khảo cho các phần.</p> <p>Thiếu chuyên mục làm MCQ sau mỗi bài ạ.</p> <p>Mô hình thực hành cũ và thiếu chi tiết</p> <p>Giáo trình còn thiếu sót</p> <p>Chưa có đầy đủ slide bài giảng để dễ ôn tập, đặc biệt LTTT</p>
YY0606	Hoá sinh I	<p>Công tác kiểm tra gây khó khăn nhiều đối với sinh viên</p> <p>Lịch thực tập bộ môn sắp xếp không phù hợp với thời gian của sinh viên</p> <p>Bộ môn áp dụng nhiều cách thức giảng dạy và kiểm tra nằm ngoài kế hoạch giảng dạy theo như đã trình bày khi gặp trên lớp</p> <p>Báo cáo chuyên đề quá nhiều</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
DK0101	Hóa phân tích I	Lịch học chưa cố định Một số phần trong bài học còn khó hiểu Giảng hơi nhanh Giáo trình đặc tiện hơn so với giá trị mang lại, trích dẫn tài liệu đã tham khảo cần chỉ cụ thể chương/mục để sv dễ tìm đọc Thời gian học thực hành khá lâu Điểm thực hành dán trên bảng thông báo Thi thực hành hơi căng thẳng
DK0102	Hóa phân tích II	Lịch hay đổi dời.
DK0203	Hóa lý dược	lịch học chưa cố định giảng hơi nhanh một số đoạn khó hiểu
DK0402	Thực vật dược	Thời gian học chưa cố định Một số phần khó hiểu Giảng nhanh một số đoạn Quá nhiều kiến thức, nên đôi khi thầy cô giảng hơi nhanh ạ
CB0501	Sinh học và di truyền	Đề thi hơi khó, thời gian không kịp Ít thời gian thực hành Thời gian thực hành sớm Câu hỏi kiểm tra còn ít Câu hỏi lượng giá còn sai sót đáp án Cô Nga thường xuyên cho nghỉ, cách truyền tải nội dung tới sinh viên không thân thiện Phòng thực hành máy tính rất chậm hoặc ko dùng được Bảng phòng học thực hành hư Làm mcq quá nhiều Phòng thí nghiệm chưa có sản phẩm rửa tay sát khuẩn. Kiểm tra trên web dễ lỗi Phòng học quá đông

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YY0801	Ký sinh trùng	<p>Thời lượng học cho 1 bài quá ngắn khiến cho giảng viên chú tâm chạy bài</p> <p>Các bài giảng thiết kế còn sơ sài</p> <p>Giảng đường hay bị hư máy chiếu</p> <p>Kiến thức một buổi học lý thuyết khá nhiều</p> <p>Câu hỏi thi kết thúc rất nhiều tình huống</p> <p>Điểm thực hành phân bố chưa như ý</p> <p>Trang thiết bị cần bổ xung thêm như máy lạnh tại các phòng thực hành</p>
YT0402	Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế	<p>Ít thời gian trao đổi với giảng viên</p> <p>Giáo trình chưa cập nhật</p> <p>Số liệu sách cập nhật thiếu</p> <p>Lượng kiến thức còn dài dòng</p>
YY1801	Chẩn đoán hình ảnh	<p>Thầy Phong không tôn trọng cách học tập của sinh viên, thường xuyên đi dạy trễ, không cho sinh viên về khi quá giờ dạy. Thái độ soi mói việc riêng tư của sinh viên, xúc phạm danh dự sinh viên, không tập trung vào bài giảng</p> <p>Thầy Phong can thiệp quá dư thừa vào phong cách học của sinh viên, nói quá nhiều chuyện không liên quan bài giảng, xúc phạm danh dự của sinh viên</p> <p>Sách dễ bị hỏng, mới dùng được 1 lần là bị sức từng trang ra</p> <p>Phòng thực tập quá nóng</p> <p>Thi giữa kì nên thi trên máy tính của trường để hạn chế lộ đề</p> <p>Còn ít hình ảnh lâm sàng mới</p> <p>Số tiết học thực hành không đủ bao quát nhiều bệnh</p> <p>Các thầy cô nên giảng lý thuyết chậm lại</p> <p>Phần thực hành nên bổ sung nhiều hình ảnh mới hơn, hướng dẫn người học kỹ càng hơn chứ không phải để người học tự bơi trong kiến thức</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Thực hành tại e chưa tiếp cận nhiều case và chưa quen cách chẩn đoán 1 case nên e làm bài thực hành không đc tốt, đa phần trước thi thực hành các case bên ngoài tại e kiểm r tại e tự hợp nhóm chẩn đoán bệnh thôi chứ chưa có kết quả chính xác, mong bộ môn dạy nhiều case hình ảnh lâm sàng hơn ạ</p>
YY2201	Mắt	<p>Công bố kết quả còn trễ</p> <p>Đánh giá này em xin gửi đến cô Thư ạ. Em không biết khi cô còn là sinh viên thì cô có như tại em bây giờ không, mà bây giờ cô là giảng viên cô lại đối xử với tại em như vậy.. thi kiểm tra giữa kỳ lý thuyết 10 câu 3 phút làm bài tính luôn thời gian đăng nhập. Nhưng tại em không đăng nhập được thì cô cho rằng tại em không đăng ký 4g để làm bài. Nhưng thưa cô, nếu lỗi mạng do kết nối của tại em thì có chẳng cả lớp chỉ vài bạn thôi chứ tại sao cả lớp đưa nào cũng bị lúc tại e giờ tay xin ý kiến là không đăng nhập được thì cô cho rằng tại em òn rồi đóng link lại tại em không kịp làm bài để nộp. Nếu cô sợ tại em trao đổi thì có nhiều hình thức để kiểm tra tách lớp giãn chỗ ra kiểm tra tại sao cô không làm. Link kiểm tra 130 tài khoản cùng đăng nhập thì chạy không nổi thay vì đổ lỗi cho lớp tại em tại sao cô không kiểm tra lại lỗi là ở đâu, thầy cô bộ môn khác cũng cho thi qua google form nhiều tài khoản đăng nhập hơn mà không bị tại sao cô lại bị, mà từ lớp này qua lớp khác vấn đề không đăng nhập được vẫn tiếp tục không hề cải thiện. Phản hồi với cô thì cô cho rằng tại em lấy lý do. Thưa cô không biết sinh viên cô đã học làm sao có bị rơi vào trường hợp như tại em không, nhưng mỗi bài kiểm tra tại em đã dành rất nhiều thời gian để ôn bài và rồi vì vấn đề đăng nhập không kịp trong thời gian 3 phút mà tại em nhận kết quả không như mong muốn đây. Em hy vọng cô có thể lắng nghe tại em nhiều hơn, cải tiến phương pháp kiểm tra để các bạn học sau được làm bài thật tốt.</p> <p>Khi kiểm tra lý thuyết, giảng viên cần cho sinh viên thời gian nhập thông tin cá nhân</p> <p>Nên có bài kiểm tra 15p rõ ràng, quá nhanh khiến nhiều bạn không theo kịp</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Điều này em xin gửi đến cô Thư. Em hy vọng khi cô giảng bài cô có thể vui hơn, lúc nào cô cũng nhăn mặt khó chịu lại hết làm tụi em rất căng thẳng không khí phòng học không được thoải mái</p> <p>Lâm sàng chưa được học nhiều</p> <p>Đề thi kết thúc học phần còn có sai công tác chuẩn bị thi giữa kì không hài lòng, bài kiểm tra nên được thêm mật khẩu để khi sinh viên đăng nhập vào bài nhập các thông tin đầy đủ chỉ cần giảng viên cấp pass mà thi thôi, chứ bắt đầu thi mà mới bấm vào link rồi có sv đăng nhập được vào link sv không đăng nhập được làm loạn buổi kiểm tra soát</p>
YY0302	Pháp Y	<p>Mong BM có thêm người dạy hỗ trợ với thầy Luân, có 1 mình thầy dạy xuyên suốt học phần hơi cực ả</p> <p>Không nắm được lịch học và bài học để chuẩn bị</p> <p>Slide quá nhiều chữ</p> <p>Nên tăng thêm tiết học</p> <p>Không được xem nhiều hình ảnh cụ thể</p>
YY0301	Giải phẫu bệnh	<p>Bài hơi nhiều</p> <p>Thời gian tiết học hạn chế nên chưa nắm hết các kiến thức do giảng viên hướng dẫn</p> <p>Còn nhiều bệnh không có hình minh họa</p> <p>Làm xem tiêu bản ít</p> <p>Làm tiêu bản mờ</p> <p>Số tiết thực hành ít</p> <p>Cho đề thi sai mục tiêu bài học, làm cho sinh viên mất thêm thời gian chờ đợi bộ môn cho thi lại</p> <p>Mong bộ môn có hướng ra đề thi kết thúc học phần phù hợp hơn ở những học kỳ sau</p> <p>33 câu số liệu nhỏ, chiếm 1 phần ít đề cập trong giáo trình và slide bài giảng đồng thời số liệu luôn thay đổi.</p> <p>Bài giảng chưa sinh động lắm</p> <p>Nhiều kiến thức quá hàn lâm, chuyên sâu, cảm giác học xong chưa ứng dụng được nhiều vào lâm sàng</p>



Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YY1705	LT.Nhi khoa III	<p>Dạ, thầy cô chấm điểm khó ạ, hình thức thi hơi áp lực về mặt thời gian ạ, nhất là khi bốc vào bệnh dài và khó</p> <p>Đi lâm sàng quá đông và khó tiếp cận bệnh nhân</p> <p>Đường xa, trực nhiều</p> <p>Đề cuối kỳ quá khó</p> <p>Không nên đi lâm sàng buổi chiều</p> <p>Chưa dạy bài đó mà đã cho thi</p> <p>Phương pháp dạy chưa phù hợp</p> <p>Giáo trình chưa giải thích rõ ràng vấn đề</p> <p>Nội dung thi không bám sát chương trình học</p> <p>Số bài nhiều và thời lượng giảng dạy ít làm sinh viên chưa hiểu được sâu vấn đề</p> <p>Đề thi Nhi mang tính lâm sàng quá nhiều.</p> <p>Kiến thức còn mang tính hàn lâm lung tung, cần có hệ thống đàng hoàng hơn.</p> <p>Kiến thức thi nhiều quá chúng em học k nhớ hết</p>
YY1703	LT.Nhi khoa II	<p>Y3 nhưng cho học 3 nhi nặng ạ.</p> <p>Tài liệu rút gọn từ sách Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, đọc làm sinh viên khó hiểu.</p> <p>Thầy Phan Việt Hưng có cư xử không thoả đáng về thái độ học trên lớp đối với sinh viên</p> <p>Thời lượng cho từng bài học quá ngắn, nội dung thầy cô muốn truyền đạt vẫn chưa được truyền đạt hết</p> <p>Nội dung thi cuối kì rất nhiều tình huống lâm sàng, trong khi đó tụi em vẫn chưa đi lâm sàng nhi. Đề thi rất hay và thực tế. Tuy nhiên trong lúc giảng dạy cũng ít được đề cập tới nên thật sự là đã làm khó tụi em ạ</p> <p>Thi quá nhiều, thi tới 5 lần</p> <p>Bộ môn cho đề khó, có những câu hỏi lý thuyết quá xa tầm tay của sinh viên, không có trong giáo trình và một số tài liệu tham khảo, slide bài giảng. Tình huống lâm sàng khó và nhiều so với một đề thi lý thuyết.</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Cần nhiều hơn câu hỏi lượng giá cuối bài</p> <p>Cần hướng dẫn nhiều hơn việc áp dụng bài học vào lâm sàng</p> <p>Hướng dẫn nhiều hơn về các dạng bài có trong thi</p>
YY1701	LT.Nhi khoa I	<p>Một số bài giảng không giống sách nên thay đổi bài trong sách</p> <p>Thời gian học các bài khá cận nhau</p> <p>Đề thi quá khó</p> <p>Lý thuyết vừa xong học kỳ trước, có thể chưa vững nhưng học kỳ sau đi lâm sàng liền, còn lơ lơ</p> <p>Cần tăng số tiết học để mỗi bài giảng được dạy nhiều hơn</p>
YT0122	Phuong pháp nghiên cứu khoa học sức khoẻ	<p>Học onl hơi nhiều</p> <p>Hơi khô khan</p> <p>Hơi trừu tượng</p> <p>Nhiều kiến thức</p> <p>Chăm điểm tự học quá thấp so với công sức bỏ ra</p> <p>Làm cho môn học 1 tín chỉ nhưng rất phức tạp</p> <p>Đề cuối kì khó</p> <p>Chưa có ngân hàng câu hỏi cho sv</p> <p>Lý thuyết quá nhiều</p> <p>1 bài quá dài nên chia nhỏ để dễ tiếp thu</p> <p>Điểm danh cuối giờ</p> <p>Học bù mà lại điểm danh sinh viên</p> <p>Quản lí môn học chưa thật sự chính chu</p> <p>Trang thiết bị còn chưa hiện đại</p> <p>Dạy và học không đúng giờ và thường xuyên nghỉ</p> <p>Thầy Du không lên giảng dạy mà chỉ kêu coi video qua elearning</p> <p>Hướng dẫn học còn ít, kiểm tra không khách quan</p> <p>Giảng đường nóng</p>
RH0410	LT.Phục hình I	Thực hành thiếu bài bẻ móc đến nay vẫn chưa được học
YY1101	Ngoại cơ sở I	Thầy có gửi files bài giảng trước giờ học nhưng thời gian khá gần lúc học trên giảng đường nên gửi sớm để có thể theo kịp thầy trên giảng

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		đường thời gian ngắn quá chưa đọc được hoặc đọc chưa hết khó theo kịp thầy trên giảng đường
YY0501	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	<p>Nhiều kiến thức khá trừu tượng</p> <p>Đi học đầy đủ các buổi nhưng chỉ có 7 điểm chuyên cần chỉ vì (lớp bị phản ánh ồn vì là học ghép với lớp chuẩn đoán hình ảnh nhưng thầy cô chỉ nói mỗi RHM ồn, bắt buộc phải phát biểu trong giờ, có thể nói đây là bộ môn khác khe nhất chấm điểm chuyên cần đi học đầy đủ cũng chỉ đc 7 điểm thôi)</p> <p>Việc tổ chức thi thực hành không theo giờ giấc, chưa đến giờ theo thông báo mà đã kêu sv vào thi, sv vào không kịp thì bộ môn cấu gắt.</p> <p>Truyền đạt kiến thức không được tốt, cuối kỳ đề khó, không có ngân hàng câu hỏi cho sv</p> <p>Số tiết thực hành ít</p> <p>Chưa được làm trực tiếp trên động vật</p> <p>Một số hình ảnh bị mờ khó xem</p> <p>Thời gian thi thực hành với số lượng câu hơi nhiều, làm tụi em hơi bỡ ngỡ tuy đã học nhiều và được thầy cô giảng rất dễ hiểu.</p> <p>Vẫn còn thầy cô giảng nói hơi nhỏ, và bài giảng chưa vào trọng tâm.Em thấy đa số là thầy cô trẻ</p> <p>Có quá nhiều bài kiểm tra</p> <p>Phương pháp làm báo cáo không thật sự hiệu quả</p> <p>Có 1 giảng viên cho sinh viên bài tập tự học dạng thuyết trình gần hết những bài mà người đó giảng dạy, và trong 1 bài duy nhất giảng viên đó giảng dạy trên lớp thì người đó giảng rất sơ sài, buổi thuyết trình của những bài còn lại thì mang nặng tính hình thức, không mang lại nhiều ý nghĩa cho sinh viên</p> <p>Bài tập về nhà nhiều, đề cuối kỳ quá khó</p>
YY0502	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	Lượng kiến thức cần học nhiều nhưng số tiết ít

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
RH0210	LT. Giải phẫu răng	Nhiều kiến thức Nhiều kiến thức khó hiểu Thiếu tài liệu Đề khó Khắc răng mỗi lưng
RH0105	Mô phỏng lâm sàng nha khoa	Em nghĩ cần nhiều buổi thực hành hơn nữa Lý thuyết nhiều Thiếu dụng cụ máy móc cho sv làm quen
YY1124	Ngoại cơ sở	Đề khó
YY1125	LT. Ngoại cơ sở I	Thời gian dạy của 1 số giảng viên chưa đúng theo lịch Sai đáp án thi Thi giữa kì câu hỏi dài Đáp án thi lâu có
YY1127	LT. Ngoại cơ sở II	Nhiều thầy cô chỉ giảng cho qua tiết học làm sinh viên không nắm được bài
RH0607	Cẩn khớp học	Tuy có bù nhưng cho nghỉ nhiều Dạy đọc từ slide và nhanh, không bổ sung thêm kiến thức ngoài
CB0403	Lý sinh	Thầy Mến dạy lí thuyết khó hiểu, quá nhanh Lượng câu bài tập nhiều so với thời làm bài Đề thi không đủ thời gian làm bài Về thực hành nên kiểm tra trên các thí nghiệm Đáp án thi cuối kì cần có giải chi tiết đối với những bài toán Hướng dẫn thêm trước khi sử dụng máy móc, lưu ý để hạn chế sai sót hư hỏng máy do thao tác sai Bài thực hành hơi ít liên quan đến kiến thức của giáo trình ạ Câu hỏi lượng giá cần hướng dẫn giải

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Cơ sở vật chất vẫn còn chưa tốt, quạt, máy chiếu, micro vẫn thường xuyên bị hư</p> <p>Không có file kiến thức trọng tâm hoặc slide bài giảng bộ môn quá rời rạc</p> <p>Chưa tạo được điều kiện để sv nghiên cứu báo cáo, tìm hiểu về bài học</p>
YY2502	Y học cổ truyền	Đề thi cuối kỳ quá khó so với y đa khoa
DK0503	LT.Bào chế và Công nghệ dược II	Bộ môn ra đề không đánh giá được năng lực sinh viên. Có đề cực kì dễ, có đề nhìn vào là biết rớt. Mong bộ môn ra đề công bằng hơn xíu ạ
DK0207	LT. Hóa Dược II	<p>Không hài lòng về bóc thăm đề thi thực hành, phải đợi đúng giờ mới cho bóc thăm, không cho bóc thăm trước tránh trường hợp mấy bạn đổi thăm</p> <p>Kiến thức khô khan, khó nhớ</p>
CB0401	Xác suất – Thống kê y học	<p>Các bài kiểm tra chưa được làm bằng phương pháp trắc nghiệm.</p> <p>Cần nhiều bài tập để ôn kiểm tra</p> <p>Dạy hơi nhanh ạ</p> <p>Giảng viên nên giao lưu với học sinh nhiều hơn</p> <p>Nên giải bài tập nhiều hơn</p> <p>Đề thi khó</p> <p>Thời gian kiểm tra thường xuyên ngắn, cá nhân em làm không kịp nên điểm số thấp,</p> <p>Học phần này em không đạt do kiến thức bỏ lâu nên không theo kịp mặc dù cô đã hết lòng giảng dạy.</p> <p>Nếu học phần này tạo điều kiện cho thi lại, thì sẽ giảm áp lực cho SV liên thông chúng em.</p> <p>Chưa theo sát nội dung câu hỏi lượng giá trong giáo trình</p> <p>Chưa thực sự theo sát tiến trình học của sinh viên</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		Chưa có sự trao đổi nhiều giữa giảng viên và sinh viên Phòng học quá đông
DD0501	Xét nghiệm cơ bản	Tiết học không năng động Thi nhiều buổi
YY1201	Gây mê hồi sức	Sinh viên ít có cơ hội được thực tập nhiều ạ. Thực tập số lượng đông Đề lỗi phải thi lại Kiến thức thi ngoài sách Điểm chuyên cần trừ 5 đ cho 1 lần nghỉ học Thi lần 2 nhưng hỏi kiến thức trong giáo trình cũ không cập nhật giáo trình Chưa có sự thống nhất về thi kết thúc thực tập lâm sàng. Chia ra nhiều bệnh viện nhưng thi mỗi bệnh viện mỗi khác, nơi thi cá nhân làm câu hỏi ngắn dễ rút điểm, nơi thi làm việc nhóm thực hiện chuyên đề có nhiều thời gian làm nên điểm cao. Câu hỏi thi hơi khó với tụi em và cho phần không học nên tụi e cũng ráng mà không biết làm
CB0304	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Kiểm tra thường xuyên quá nhiều Học thuộc lòng nhiều Ngôn ngữ trừu tượng, khó hiểu Phòng học quá nóng Hội trường máy lạnh thường xuyên không đáp ứng tốt
YY0403	Sinh lý I	Không học theo lịch của htql nhưng lại không thể đăng kí khi hệ thống báo trùng lịch hiển thị trên hệ thống Cần thêm nhiều hình ảnh vào giáo trình Chia sẻ file pdf về các tài liệu tham khảo cho sinh viên Nên bắt sinh viên viết sổ tay sinh lý 1 và 2 luôn cho dễ nhớ bài Giảng viên khó, đề khó Quay video nhóm trong quá trình làm bài tập nhóm tự học có một chút khó khăn vì nhiều lúc nhóm đi làm bài tập nhóm offline chứ ko họp online. Mong thầy cô có thể bỏ qua phần này.

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>Lịch học buổi tối nên đôi khi đụng với lịch làm việc của cá nhân</p> <p>Lịch giảng chỉ cho biết lúc đầu tuần, trong tuần có thay đổi nhưng giảng viên chỉ chấp nhận 1 số lý do. Em đi làm, không thể muốn nhận hay huỷ tùy ý, ko thể nhờ người khác làm thay nên lịch bộ môn làm em trở tay không kịp ạ</p> <p>Một số buổi kéo dài hơn so với thời gian quy định</p> <p>Khối lượng kiến thức quá tải ở một số chương</p>
YY0602	Hóa sinh	Phải học và thi chung với y đa khoa
YY1148	LT. Định hướng cơ bản chuyên khoa Ngoại	<p>Thời gian học ít</p> <p>Lượng kiến thức nhiều</p> <p>Cần thêm nhiều hình ảnh</p>
DD0115	LT. Điều dưỡng cơ sở I	Chưa phân bổ thời gian cố định
CB0502	Sinh học và di truyền	<p>Số lượng bài nhiều, nhiều chi tiết, khó nhớ</p> <p>Giảng đường phòng học không có wifi để kết nối khi cần học và quá nóng</p>
CB0205	Hóa học	Số lượng bài nhiều, nhiều chi tiết, khó nhớ
DD0110	LT. Điều dưỡng cơ sở I	Dụng cụ thực hành của sinh viên điều dưỡng quá xơ xài toàn những dụng cụ hư,lên mùi,ko được hiện đại như bên y
YY0704	Vi sinh I	Lúc TH các kỹ thuật cần tránh có gió nên phải tắt quạt mà phòng ngay vị trí nắng chiếu vào, rất nóng

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YY0802	Ký sinh trùng	Nhiều bài quá Ngân hàng câu hỏi nhiều
YY1006	LT.Huy ết học tế bào II	Đề thi đọc hiểu nhưng không biết làm, quá khó
YY2007	Truyền nhiễm	Lịch học không theo tiến độ Học bù mà lại điểm danh sinh viên Em ít hài lòng với cách dạy của thầy Hành trên lâm sàng, chúng em ít được thầy giảng dạy trên từng bệnh cụ thể mà chỉ là soạn bài theo như lý thuyết. Khó tiếp cận và nhận biết bệnh. Điểm giữa kỳ lên hệ thống lâu ạ Thường xuyên thay đổi lịch học chính khóa về đêm
YY2545	Thương hàn luận	Về việc chấm điểm bài tập tự học của cô Tiên em thấy không công bằng và không được rõ ràng. Nếu cô muốn chúng em để thêm phần giải thích đáp án cho từng câu hỏi thì cô phải nói trước, chứ cô chỉ đặt câu hỏi rồi khi chúng em chỉ đặt câu hỏi và đứng lên giải thích (tự biết để giải thích chứ không cần đọc slide như các bạn khác) thì lại phải nhận điểm thấp hơn; đồng thời lại lấy điểm đó làm điểm chuyên cần mà cô không hề nói trước, vậy việc đi học đều đối với chúng em có ý nghĩa gì.Em mong bộ môn sẽ cải thiện phần này để mọi học phần đều được rõ ràng, minh bạch và không ai phải cảm thấy không công bằng nữa ạ!
YY2570	LT.Nội bệnh lý YHCT II	Thay vì sửa chính tả, căn lề ppt thì em mong cô Ngoạn nói nhiều về phần nội dung bài học hơn ạ! Những thứ hình thức khi ra đời các bạn sẽ tự trau dồi thêm ạ!
DD0403	LT.Chăm sóc sức khỏe người lớn có	Thái độ không dễ tiếp xúc trong quá trình học tập Ra đề sai nhưng không cho phản hồi Tạo áp lực nặng nề Còn khá nhiều sai sót trong đề thi kết thúc học phần , và hướng giải quyết của giảng viên không hợp lý ảnh hưởng đến kết quả học tập sinh viên



Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
	bệnh Ngoại khoa II	Giáo trình sai nhiều, trong quá trình dạy giảng viên không đính chính, khiến cho sv học theo giáo trình bị sai, kết quả thi không như mong muốn, khi sv phản hồi thì cho là sv không biết cách học Giảng viên ít phối hợp giải quyết khi gặp sai sót trong đề thi, sv bị mất điểm không hợp lý thái độ giảng viên khiến cho khi học học phần này cảm thấy rất áp lực, không có hứng thú với ngoại khoa
DD0425	LT.Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng II	Còn khá nhiều sai sót trong đề thi kết thúc học phần , và hướng giải quyết của giảng viên không hợp lý ảnh hưởng đến kết quả học tập sinh viên Không có bảng kiểm các hâu hỏi khi thi vấn đáp lâm sàng, trả lời được các câu hỏi, giáo viên khen, nhưng điểm không tương xứng, sự chênh lệch về cách chấm điểm của các GV nhiều Thời gian thực tập còn ngắn chưa đủ dài để hiểu hết các vấn đề cần học
YT0135	Định hướng cơ bản chuyên khoa y học dự phòng	Thời gian thực tập tại CDC hơi ngắn Một số kỹ năng chưa được thực hành, chưa đi thực tế nhiều Báo cáo cuối đợt tại CDC bị các thầy hỏi rất nhiều nên hơi áp lực
DD0303	LT.Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	Thời gian thực tập từng khoa còn hạn chế Ít được học về bệnh học cũng như phần chăm sóc, chủ yếu là thực hiện các kĩ thuật điều dưỡng cơ sở Các buổi học trên lâm sàng còn ít

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YT0518	Định hướng cơ bản chuyên khoa can thiệp cộng đồng	<p>Kiểm tra cuối kỳ lý thuyết đề mới hoàn toàn</p> <p>Thời gian ôn bài để thi cuối kỳ lý thuyết rất ngắn, rất cận ngày thi. Vì tụi em sau khi đi thực tập ĐHCB YHDP còn phải làm quyển báo cáo tổng hợp nộp nên không có thời gian học kỹ trong giáo trình.</p> <p>Chỉ mang tính lý thuyết với bộ số liệu có sẵn không có tính thực tế tại cộng đồng</p>
DD0315	LT.Chăm sóc sức khoẻ trẻ em I	<p>Thời gian đi lâm sàng còn hạn chế</p>
RH0610	LT. Răng trẻ em	<p>Kế hoạch bình bệnh án không rõ ràng</p> <p>Bộ môn có kế hoạch trình dự án cộng đồng để tính vào điểm học phần nhưng đã không tổ chức thực hiện</p>
DK0204	Hóa trị liệu	<p>Em không có điều gì không hài lòng về học phần. Điều em không hài lòng là phòng học quá nóng và số lượng sinh viên quá đông. Quạt hoạt động hết công suất cũng không đủ mát. Hôm đó em tưởng mình đã ngất trên giảng đường vì nóng rồi. Hi vọng trong tương lai phòng học được nâng cấp và cải thiện hơn.</p>
CB0314	Tu tưởng Hồ Chí Minh	<p>Dạy nhanh</p> <p>Điểm thấp</p> <p>Câu hỏi tự luận để thi quá nhiều</p> <p>Đăng kí phúc khảo nhưng không bộ môn không duyệt trên HTQL</p> <p>Đề thi không được 30% câu hỏi trong tài liệu học tập</p>
YY0405	Sinh lý	<p>Thời gian học hơi nhiều, lịch dày</p> <p>Hình thức điểm cộng phát biểu chưa được quản lý tốt làm xuất hiện tình trạng sinh viên lạm dụng điểm phát biểu, báo cáo không trung thực điểm phát biểu của mình và được cộng vào điểm kiểm tra thường xuyên rất cao ( kiểm tra 6.5 nhưng được cộng lên 9.5 ) dẫn đến không</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		<p>công bằng giữa các sinh viên. Giáo viên nên quản lý điểm cộng, không nên để lớp trưởng quản lý hay bất kì cá nhân nào vì có tình trạng ban cán sự không trung thực trong lúc báo cáo điểm cộng phát biểu cho bản thân mình.</p> <p>Phân bố thời gian học trong tuần quá nhiều, kể cả chủ nhật phải học sáng và chiều</p> <p>Thi trên máy tính nên việc phản hồi đáp án khó khăn</p>
CB0312	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Phòng học chật
YY0911	LT.Nội bệnh lý III	<p>Khó học</p> <p>Rất nhiều bài học không được dạy bù</p>
YY1601	LT.Phụ sản I	<p>Đề thi còn hỏi nhiều số</p> <p>Thời gian học quá ngắn, bài học thì hay nhưng thời gian học quá ngắn làm em không thể thấu hiểu được hết bài học, dù đã tự học lại khá nhiều lần</p> <p>Thời lượng các tiết quá ít, thầy cô không thể nói hết ít, tụi em về nhà cũng không thể tự đọc lại hết trong khi thời gian học thì quá ngắn. Một buổi học có khi phải nói 3 bài, thật sự cảm giác quá sức tụi em và thầy cô. Em hy vọng thời gian học có thể nhiều hơn để tụi em học hiểu hơn là học thuộc.</p> <p>Điểm kiểm tra chưa đc rõ ràng</p>
YY1102	Ngoại cơ sở II	Hay bị nghỉ không báo trước
YT0321	Y học đáp ứng với thảm họa	<p>Em vẫn chưa biết tiếp xúc hiện trường thế nào, hy vọng có 1 buổi giả tập nhỏ trong lớp để hiểu hơn. Cảm ơn thầy cô!</p> <p>Đề thi quá khó</p> <p>Thời gian học ngắn</p> <p>Giáo trình rất khác biệt so với bài giảng làm sinh viên rất khó theo dõi bài</p>

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		Kiến thức chưa cập nhật
YY2101	Lao	Nhiều kiến thức Khó thuộc
YT0302	Khoa học môi trường & sức khỏe môi trường I	Bộ môn không tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện kiểm tra bổ sung
DK0501	LT.Bào chế và Công nghệ dược I	Phần kiểm tra giữa kì hơi nhiều bài tụi em học không kịp ạ Môn khó Các cô khó Phòng thực tập hơi nhỏ
DK0205	LT. Hóa Dược I	Nhiều kiến thức ngoài Cần cập nhật kiến thức Sách dày
CB0204	Hóa hữu cơ	Kiến thức rộng, khó Giảng viên khó
YY1004	LT.Huy ết học tế bào I	Mong lịch sẽ ổn định hơn hoặc thông báo nghỉ sớm hơn GV quên lịch dạy, vào trễ Phương pháp kiểm tra đánh giá tuy đa dạng nhưng nội dung vượt quá trình độ của sinh viên Tốc độ của các trạm nhanh Độ nhận diện hình ảnh kém ở vài kính hiển vi Hình thức lấy điểm khó
RH0606	Sâu răng học	Ko có thực hành Kiến thức thực tế chưa nhiều
YY0705	LT.Vi sinh II	Phòng thực tập bộ môn vi sinh rất nóng. Đặc biệt là là phòng nhiệt độ phòng có thể tăng lên đến khoảng 37-38 độ khi thực hiện thí nghiệm(

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
		đốt đèn còn) và điều này ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của sinh viên khi học tập trong điều kiện quá khắc nghiệt. Nên chuẩn bị sẵn tay cho sinh viên thực hành
YY1118	Bệnh học ngoại khoa	Kiểm tra đột xuất bài chưa học và lấy điểm, không thông báo trước với SV kết quả điểm rất thấp Kiểm tra giữa kì không được thông báo trước đó, các sinh viên vắng mặt hôm đó dù có lý do hay không thì vẫn không được làm bù lại bài kiểm tra, dẫn tới kết quả học kì của cả môn bị kéo xuống. Lịch lâm sàng trùng lịch thi và lịch thực hành Rất hay cho nghỉ và đổi lịch học bù, một số buổi học bù được sắp xếp không hợp lý và thực hiện kiểm tra lấy điểm vào một trong số những buổi này gây bất cập cho sinh viên Điểm học phần lên quá chậm trễ Thường xuyên dạy không đúng lịch
YY0917	Bệnh học nội khoa	Chưa có sự phân loại đề cho RHM Thầy An Gấu dạy cái này mà khi thi hỏi cái khác
YY0607	LT.Hoá sinh II	TT. hóa sinh các hệ số tính điểm không được báo trước khi bắt đầu học phần. TT. hóa sinh cùng một bài nhưng giữa 2 nhóm của sự dạy khác biệt, và phân công giảng viên giữa 2 nhóm không đồng đều nên không công bằng cho sinh viên. Muốn được nghe cô Mai giảng bài nhiều hơn, nhưng cô chỉ giao phần mình cho sinh viên nói
RH0313	LT. GP ứng dụng và PTTT hàm mắt	Hỏi khó hiểu tại ít được thực hành Thầy dạy bài Các khoang vùng hàm mắt nên ứng dụng nhiều video giải phẫu để giải thích cho sinh viên dễ hiểu hơn ạ.
DK0103	LT.Kiểm Nghiệm	Môn này khó do từ ngữ khó hiểu cần có thời gian đọc kỹ từng chữ và suy nghĩ cẩn thận rất mất thời gian. Em hy vọng Thầy/cô có thể cho thêm thời gian thi môn này trong bài thi cuối kỳ ở những học kỳ sau.

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
	Dược Phẩm I	Hôm làm bài thi em đã không làm kịp rất nhiều câu, do không kịp thời gian, rất đáng tiếc. Nhiều bạn sau khi thi xong cũng có cùng nhận định như em. Trân trọng !
YY1906	Sức khỏe tâm thần	<p>Không phổ biến hình thức thi cuối kỳ vào đầu học phần, cách ngày thi 3 ngày vẫn chưa biết được rõ phải chọn bao nhiêu đáp án đúng.</p> <p>Thời gian trực đêm quá sớm, trong khi đoạn đường đi thực tập quá xa, nhiều bạn học 4 tiết chiều ra trễ, vì sợ bị cấm thi, nên phải chạy nhanh nhiều bạn sinh viên đã bị va quệt giao thông, bị CSGT bắt tốc độ.</p> <p>Giảng viên Nguyễn Thái Thông sử dụng từ ngữ không phù hợp khi giảng dạy (Dùng từ “láp liếm”)</p> <p>Hình thức thi không phổ biến trước từ đầu học kỳ, điểm chuyên cần làm bài tự học nên hạ xuống đúng 80% đủ điều kiện hoàn thành bài tự học vì 100% quá cao, ma trận thi công bố cách ngày thi quá cận (2,3 ngày trước ngày thi và chọn nhiều đáp án nên tỷ lệ điểm thi rất thấp)</p> <p>Bộ môn nên có cách tính điểm theo bậc thang cho từng ý đúng trong 1 câu hỏi của phần thi cuối kì trên máy tính</p> <p>Kết quả thi lâm sàng nên được công bố trước kỳ thi kết thúc học phần, đối với trường hợp đi lâm sàng trước khi thi kết thúc học phần</p> <p>Ngân hàng câu hỏi nên được cập nhật thêm</p>
YY2601	Y học gia đình	Số buổi lâm sàng khá ít Thầy cô cần dạy thêm cái cập nhật mới
CB0313	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Ít kiểm tra đánh giá Thời gian học ít Cần có thêm hoạt động để thú vị hơn
YY2401	Da liễu	Lên điểm học phần hơi lâu Kiểm tra đột xuất Số buổi lâm sàng ít

Mã HP	Tên học phần	Nội dung góp ý
YT0404	LT.Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế	Khó nhớ Khó hiểu Khó thuộc
HS0401	LT. Chăm sóc chuyển dạ và sanh thường	Không được khám trong trên sản phụ nhiều
YY1402	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Bộ môn chưa sắp xếp được lịch thực hành hợp lý, đúng tiến độ
YT0209	LT.Thống kê dân số y tế	Bộ môn sắp xếp lịch thực tập chưa đúng tiến độ
RH0310	LT.Chữ a răng – nội nha II	Học phần này khá quan trọng, em mong bộ môn dừng việc cho sinh viên thuyết trình vì em thấy điều này không đem lại hiệu quả cao. Do sinh viên chỉ tập trung vào bài thuyết trình của mình, thứ hai việc nghe những bạn khác chia sẻ kiến thức sẽ không đem lại hiệu quả so với người giảng dạy.

<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Nội dung góp ý</b>
		Mong khắc phục về việc giảng dạy lý thuyết đúng thời khóa biểu! Tránh tình trạng nghỉ sau đó bù vì ảnh hưởng đến thời khóa biểu của sinh viên
YY2525	Lý luận cơ bản YHCT II	Chưa giải thích được cơ chế bệnh sinh của 1 số bệnh Cần đưa thêm nhiều ví dụ lâm sàng vào giảng dạy + Giải thích cơ chế bệnh sinh
CB0111	Anh văn chuyên ngành II	Nhiều từ chuyên ngành khó nhớ khó học Không liên quan nhiều đến giáo trình Lịch học chưa cố định Thời gian học tập trên lớp còn hạn chế Nên phát hành tài liệu tự học dạng sách
YT0421	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - GDSK	Dạy nhanh Điểm thấp Đề khó
HLKN0 2	Tiền lâm sàng II	Thời lượng dành cho từng buổi giảng quá ít Nên thống nhất cách tính điểm kiểm tra thường xuyên, các thầy cô nên tạo thêm nhiều cơ hội cho sinh viên lấy điểm Lịch học lộn xộn, không logic